

ÔN CỐ TỰNG THƯ

-- TÍNH-TRAI
TRẦN-LE-NHÂN
Độc-học
BIÊN-DỊCH

HÁN HỌC

DANH NGÔN

IN LẦN THỨ BA

“DẠ CHỈ TIÊN NGÔN”
(*Thư kinh*)

NHÀ XUẤT-BẢN
THỌ-XUÂN
1957

TRẦN-LE-NHÂN

HÁN HỌC DANH-NGÔN

THỌ-XUÂN

ÔN CỔ TỬNG THƯ

TÍNH-TRAI
TRẦN-LE-NHÂN
Đk - học
DIỄN-DỊCH

HÀN HỌC DANH NGÔN

IN LẦN THỨ BA

· DẠ CHỈ TIÊN NGÔN ·
(The first)

NHÀ XUẤT-BẢN
THỌ-XUÂN
1957

TRẦN-LE-NHÂN

HÀN HỌC DANH-NGÔN



THỌ-XUÂN



CÙNG ĐỌC, CÙNG CHIA SẺ

ÔN CỔ TÙNG THƯ
TĨNH-TRAI TRẦN-LÊ-NHÂN
ĐỐC-HỌC BIÊN-DỊCH
HÁN HỌC DANH NGÔN
IN LẦN THỨ BA
ĐA CHÍ TIỀN NGÔN (Thư-kinh)
NHÀ XUẤT-BẢN THỌ-XUÂN 1957

Đánh máy : linh_tt ; Minhhanhtuc ; Songsongsau ; kimduyen ; searatuski ;
nhapcu

Kiểm tra chính tả : Thư Võ
Biên tập ebook : Bùi Ánh Tâm

**Ebook này được thực hiện theo dự án phi lợi nhuận
“SỐ HÓA 1000 QUYỂN SÁCH VIỆT MỘT THỜI VANG BÓNG”
của diễn đàn TVE-4U.ORG**

**Cảm ơn tác giả TĨNH-TRAI TRẦN-LÊ-NHÂN
đã chia sẻ kiến thức đến người đọc.**

MỤC LỤC

ÔN CỔ TÙNG THƯ

CHƯƠNG THỨ NHẤT

I – TU THÂN

II – LẬP CHÍ

III – NHÂN PHẨM

IV. – HỌC VẤN

V. – TÍNH - TÌNH

VI. – THÀNH TÍN

VII. – CHÍ TIẾT

VIII. – NGÔN, HÀNH

IX. – QUÁ THẤT

X. – VÊ-SINH

CHƯƠNG THỨ HAI

I.– TRÌ GIA

II. – HIẾU, HỮU

III. – GIÁO DỤC

IV. – LỄ ĐỘ

V. – CẦN, ĐẠ

VI. – XA, KIÊM

VII. – TỪ, ÁI

VIII. – ĐỘ LƯỢNG

IX. – PHÒNG HOẠN

CHƯƠNG THỨ BA

- I. – XỬ SỰ
- II. – TRÍ NGU
- III. – DỮNG LỰC
- IV. – CÔNG, TU
- V. – TRI TỨC
- VI. – GIỚI-THAM
- VII. – XỬ THỂ
- VIII. – NHÂN NGHĨA
- IX. – KHIÊM CẦN
- X. – CHÍ KHÍ
- XI. – KHOAN THỨ
- XII. – THIÊN, ÁC
- XIII. – HIẾU, Ỗ
- XIV. – THỦ-DỮ
- XV. - GIAO TẾ
- XVI. - BẦN, PHÚ
- XVII. - ÂN, OÁN
- XVIII. – LỢI, HẠI
- XIX. – HỌA, PHÚC
- XX. – TẾ NGỘ
- XXI. – ĐẠT SINH
- XXII – VẬT LOẠI

CHƯƠNG THỨ TƯ

- I. – TẠP NGỮ
- Bản đĩnh – chánh

Nhà xuất-bản « THỌ_XUÂN »

8, Bui-Viện – SAIGON

ĐÃ XUẤT-BẢN :

LOẠI CỔ-VĂN :

– CỐ-HỌC TINH-HOÀ Tập I và II của NGUYỄN-VĂN NGỌC và TRẦN-LÊ-NHÂN

– HÁN HỌC DANH-NGÔN của TRẦN-LÊ-NHÂN

LOẠI Y-HỌC :

– PHÉP NUÔI CON của Bác-sĩ NGUYỄN-HẢI ; TRẦN-HỮU-NGHIỆP ; NGUYỄN-VĂN-THỊNH

LOẠI NHI-ĐỒNG :

– HÒN MÁU RƠI của LIÊN-CHỚP

– ĐỨA TRÉ RỪNG XANH của VIỆT-QUANG

– CON KIẾN CÀNG của THANH THỦY

SẮP XUẤT BẢN :

- ANH VĂN KHÓA BỔN *của NGUYỄN-VĂN-TRUNG*
- BÌNH GIẢNG CA-ĐAO *của NGUYỄN-VĂN-TRUNG*
- TIÊN NỮ ÁO XANH *của THANH-THỦY*
- HAI CÂY HOA SỨ *của HỒNG-HÀ*

ÔN CỐ TÙNG THƯ

TĨNH-TRAI

TRẦN-LÊ-NHÂN

Đốc-học

BIÊN-DỊCH

—

HÁN HỌC DANH NGÔN

IN LẦN THỨ BA

ĐA CHÍ TIỀN NGÔN

(Thư-kinh)

NHÀ XUẤT-BẢN

THỌ-XUÂN

1957

Bản ý chúng tôi cốt là để tự tu cùng làm một thứ giúp cho sự tu dưỡng của các cậu, các cô học trò tuổi trẻ.

Trong tập này hoặc có câu nào kén chọn chưa tinh, xếp đặt nhầm lẫn, phiên dịch không đúng nghĩa, dám mong những bậc bác nhĩ quân tử trong nước chỉ bảo cho ; thì thật là may cho chúng tôi lắm. Đến như đưa đòi lập ngôn, thì chúng tôi đâu dám.

Hà Nội ngày 18 tháng 9 năm Đinh-mão

TRẦN-LÊ-NHÂN

HÁN HỌC DANH NGÔN

CHƯƠNG THỨ NHẤT

Đối với bản thân

I – TU THÂN

(sửa mình)

1. – Người quân-tử ghi nhớ rõ nhiều những câu nói hay, việc làm tốt của người đời trước, để nuôi cái đức tính mình. **Dịch kinh**
2. – Thấy phải thời theo, có lỗi thời đổi. **Dịch kinh**
3. – Người quân-tử cử động thận trọng, không sơ-suất với ai ; dong mạo đoan trang, không thất sắc ¹ với ai ; ngôn ngữ cẩn thận, không sảy miệng với ai. **Lễ-ký**
4. – Vấn tâm ² không có điều gì đáng thẹn, thì còn lo gì, sợ gì. **Luận-ngữ**
5. – Lúc nhỏ khí huyết chưa sung túc, phải giữ gìn sắc dục ; lúc nhớn khí huyết đang hăng-hái, phải giữ gìn việc tranh đấu ; lúc già khí huyết đã suy kém, phải giữ gìn việc tham lam. **Luận-ngữ**
6. – Yêu mến người mà người không thân thiết với mình, thì xét lại xem lòng « nhân » của mình đã đầy đủ chưa ; quý trọng người mà người không lễ phép với mình, thì xét lại xem sự « kính » của mình đã chu chí chưa. **Mạnh-tử**

7. – Tự mình khinh mình trước, người ngoài mới khinh mình sau. **Mạnh-tử**
8. – Phàm làm gì mà có điều chưa thỏa lòng, thì nên xét lại thân mình, xem làm như thế, đã là phải hẵn chưa. **Mạnh-tử**
9. – Danh dự quá sự thật, người quân-tử lấy làm xấu hổ. **Mạnh-tử**
10. – Ngứng lên không hổ với giới, cúi xuống không thẹn với người, đó là một điều vui sướng. **Mạnh-tử**
11. – Tu tình tâm thân, thận trọng công việc, không thế, thì sợ nhục đến tổ tiên. **Hiếu kinh**
12. – Chớ lo không được quan to, nên lo cái « đức » của mình còn kém cõi ; chớ tủi không được lộc hậu, nên tủi cái « trí » của mình còn hẹp hòi. **Trương-hành truyện**
13. – Tự xét thân mình, miễn là không thẹn ; thị phi miệng thế, thì có quản chi. **Ban-siêu truyện**
14. – Nhất tâm ³ ăn ở cho phải đạo, thì giới cũng không làm hại nổi. **Tuân-tử**
15. – Giản dị quá, người ta hay nhờn ; nghiêm trang quá, người ta không thân. **Thuyết-Uyển**
16. – Kẻ chịu thiệt thường được ích, kẻ ích mình thường hay thiệt. **Thuyết-Uyển**
17. – Sự yêu hành ⁴ là cái búa chém đẽo cái tính linh ⁵ . Sự mê đắm là con ngựa theo đuổi cái tai vạ. **Thuyết-Uyển**
18. – Nói cho hay, làm cho phải, thế là tu thân. **Tổ-thư**

19. – Kẻ không chịu sửa mình mà muốn có tiếng thơm để đời, thì khác nào mặt xấu mà muốn có cái hình đẹp ở trong gương. **Nhan-thị gia-huấn**

20. – Lập thân còn gì khó bằng làm thế nào cho không tủi thẹn ⁶ ; thủ thân còn gì khó bằng làm thế nào cho khỏi điểm nhục ⁷ ; phòng thân còn gì khó bằng làm thế nào cho ít bệnh tật. **Tuân-sinh-Tiên.**

21. – Thói khinh bạc ⁸ , đem đối đãi với người quân tử, thời tự mình làm cho mình thất đức ⁹ ; đem đối đãi với kẻ tiểu nhân, thời tự mình làm cho mình hại thân ¹⁰ . **Tuân-sinh-tiên**

22. – Bể tình dục, lấp mãi mà không đầy. Thành sâu khổ, phá mãi mà không tan. **Khuyến-giới toàn-thư**

23. – Tâm địa để lâu, không đem việc hay đời cổ để tắm tưới, thì nhem-nhuốc, những trần tục ¹¹ ; soi gương mặt mũi đáng ghét, trò chuyện nhạt-nhẽo khó nghe. **Hoàng-Đình-Kiên**

24. – Tâm ¹² nên để cho vui mà hình thể ¹³ nên để cho khó nhọc. **Lâm-Bô**

25. – Không xấu với miệng, chẳng bằng không xấu với thân ; không xấu với thân chẳng bằng không xấu với tâm. (*Không nói bậy chẳng bằng không làm bậy ; không làm bậy chẳng bằng không nghĩ bậy*). **Thiệu-Ung**

26. – Không phấn phát ¹⁴ thì một ngày một lười nản ; không kiểm thúc ¹⁵ thì một ngày một đông-dài. **Chu-Hi**

27. – Đem lòng yêu vợ con ra yêu cha mẹ thời là hiếu ; đem lòng giữ nhà ra giữ nước thời là trung ; đem lòng trách người ra trách mình thời ít lỗi ; đem lòng dong mình ra dong người thời trọn nghĩa. **Cảnh-hành lục**

28. – Tâm niệm trầm tiềm ¹⁶ mãi mãi, thì lẽ gì mà nghĩ chả ra. Chí khí phấn phát luôn luôn, thì việc gì mà làm chả nổi. **Lã-Khôn**

29. – Tâm phải cho to để dung nạp những người trong thiên hạ ; tâm phải cho rộng để chịu đựng cái hay trong thiên hạ ; tâm phải công bằng để bàn việc trong thiên hạ ; tâm phải trầm tiềm để xét lý trong thiên hạ ; tâm phải vững vàng để chống lại với biến cố ¹⁷ trong thiên hạ. **Lã-Khôn**

30. – Tâm thuật quý nhất là quang minh, trung hậu ; dung mạo quý nhất là chính đại, lão thành ¹⁸ ; ngôn ngữ quý nhất là giản dị, chân thật. **Lã-Khôn**

31. – Muốn bỏ tính « lười » thì trước hết đừng sáng dậy trưa ; muốn bỏ thói « kiêu » thì trước hết đừng nhẹ miệng chê cười thiên hạ. **Tăng-quốc-Phiên**

32. – Kẻ có tài hơn người, tất có tình dục hơn người ; tài hơn người, tình dục hơn người, mà không có lòng đạo đức hơn người để tự trị ¹⁹ lấy mình, thì lại là tội tở cho tình dục. **Lương-khải-Siêu**

II – LẬP CHÍ

(Có và định cái ý hướng)

33. – Yên vui, thư nhàn là thứ thuốc độc, không nên quyến luyện ham mê. **Tả-truyện**

34. – Tà làm nhỏ con gà, còn hơn làm đít con trâu. (*làm nhỏ mà làm thầy, còn hơn làm to mà làm đầy tớ*). **Chiến-quốc sách**

35. – Tài giai nên ngang dọc trời đất, không nên quanh quẩn xó nhà. **Triệu-Ôn**

36. – Cây chi, cây lan tuy mọc chỗ rừng vắng mà hoa vẫn thơm ; người quân-tử theo lẽ phải, làm điều hay, tuy gặp khốn cùng, mà tiết hạnh vẫn không đổi. **Gia-ngữ**

37. – Kẻ trông mong vào người thì không được chắc ; kẻ nhờ cậy vào người thì không được lâu. **Hàn-thi ngoại-truyện**

38. – Người có chí thì việc gì cũng nên. **Hán-Quang-Vũ**

39. – Gây dựng cho nên, khó hơn lên giới ; phá hoại cho hỏng, dễ như đốt lông. **Liêu-Tì**

40. – Cửa chứa nghìn vạn, không bằng nghề mọn trong tay. **Nhan-thị gia-huấn**

41. – Người sinh ở đời, không có một ít nghị luận hay, một ít công-nghiệp tốt, suốt ngày chỉ ăn no, mặc ấm, mà không dụng tâm²⁰ thì khác gì loài vật. **Tô-Tử-Do**

42. – Mắt không theo người trông, tai không theo người nghe, miệng không theo người nói, mũi không theo người ngửi. **Nguyên-Kết**

43. – Lâu nay đời vẫn làm đăm-đuối loài người cái « chí » của ta là cái để độ thân ta, mà sóng gió không thể xiêu-dạt vùi-dập ta được. **Chúc-vô Công**

44. – Giới có thể cho người ta được mùa ; không có thể cày cấy hộ được. **Ngụy-Liễu-Ong**

45. – Ở đời có ba điều đáng tiếc : một là hôm nay bỏ qua, hai là đời này chẳng học, ba là thân này nhờ hư. **Chu-Hi**

46. – Trên thì giới, dưới thì đất, người ta ở khoảng giữa ; làm người có ra người thì mới không uổng. **Chu-Hi**

47. – Tuổi trẻ không gắng sức, già cả những ngậm-ngùi. **Cổ-thi**

48. – Làm người nên tự lập²¹, tự trọng²², không nên bước theo gót người²³, nói theo miệng người²⁴. **Lục-Cử-Uyên**

49. – Cẩn chặt răng để chịu thiệt, đứng vững bước để làm người (có lượng và có gan). **Cổ-ngữ**

50. – Tài giai nên đình đạc đứng ở cõi-đời. **Ngô-Dụng-Trai**

51. – Đối với người đời xưa mà chịu thua kém, là không có chí ; đối với người đời nay mà không bao dong, là không có lượng. **Lưu-Cao**

52. – Người không có chí, như thuyền không lái, như ngựa không cương, trôi dạt lông-bông, không ra thế nào cả. **Vương-Thú-Nhân**

53. – Học để mà thích học thì khó, làm để mà hết sức thì khó, xấu-hỗ để mà biết xấu hổ thì khó. **Vương-Thuyền-Sơn**

54. – Những việc nghĩa, nên làm, sức đủ làm, bụng muốn làm ; vì bè bạn, vợ con gàn trở, mà thôi không làm, thế là người vô chí. **Lã-Khôn**

55. – Nghèo không xấu, nghèo mà không có chí mới là xấu ; hèn không đáng ghét, hèn mà không có tài mới đáng ghét ; già không nên than thở, già mà sống thừa mới đáng than thở, chết không nên bi ai, chết mà vô bổ mới đáng bi ai. **Lã-Khôn**

56. – Chúng ta sinh sau cố-nhân, nên làm con cháu cố-nhân, chẳng nên làm tôi tớ cố-nhân. **Ngụy-Hy**

57. – Phàm lúc nguy cấp, chỉ nên trông cậy những điều của mình, không nên trông cậy những điều của người. **Tăng-quốc-Phiên**

III – NHÂN PHẨM

(Phẩm giá người)

58. – Người quân-tử hiểu rõ việc nghĩa, cho nên không thích nghĩa ; kẻ tiểu-nhân hiểu rõ việc lợi, cho nên thích lợi. **Luận-Ngữ**

59. – Người quân-tử hòa-thuận mà không a-dua ; kẻ tiểu-nhân a-dua mà không hòa thuận. **Luận-Ngữ**

60. – Kẻ sĩ ²⁵ mà còn quyến luyến những sự thuận tiện yên vui cho xác thịt, thì tâm lụy ²⁶, chí hèn ²⁷ không đáng gọi là kẻ sĩ. **Luận-Ngữ**

61. – Người nghĩa không dối mình, người liêm không lấy bậy. **Thuyết-Uyển**

62. – Người thường trọng lợi, người giỏi trọng danh. **Trang-Tử**

63. – Người quân-tử phi nhân nghĩa, thì không sống được ; kẻ tiểu-nhân phi thị dục, cũng không sống được. **Hoài-nam-Tử**

64. – Giàu đục không bằng nghèo trong, sống nhục không bằng chết vinh. **Lễ-ký**

65. – Trung tín, cẩn thận, là cái nền thành người hay ; hảo huyền, quỷ quyệt, là cái gốc thành người dở. **Tiền-Phu**

66. – Hiền ngụ tại ở tâm tính, không tại ở sang hèn. **Tiền-Phu**

67. – Người tuấn kiệt mới biết việc đời. **Thục-Chí**

68. – Phàm việc mà chịu thiệt, ấy là người tốt ; phàm việc chiếm phần hơn, ấy là người xấu. **Phạm-Thân-Tập**

69. – Thiên-hạ chưa lo đến, mình lo trước cho thiên hạ ; thiên hạ đã vui rồi, mình vui sau cả thiên-hạ. **Phạm-Trọng-Yêm**

70. – Giữ việc đạo nghĩa, làm việc trung tín, trọng việc danh tiết. **Âu-Dương-Tu**

71. – Kẻ đại gian giống như người trung, kẻ đại nịnh giống như người tín. **Lã-Hối**

72. – Khí tượng như chim phượng-hoàng liệng trên mây xanh, thì những lợi hại cỏn-con không động được tâm nữa. **Trình-Di**

73. – Người biết « đạo » tất không khoe, người biết « nghĩa » tất không tham, người biết « đức » tất không thích tiếng tâm lừng-lấy. **Trương-Cửu-Thành**

74. – Đời suy, đạo vi, lòng ham muốn loài người đầy-rẫy, không phải người cương nghị thì đứng vững sao được. **Chu-Hi**

75. – Thà làm người tốt mà giá quý đệ nhất phẩm, còn hơn làm người xấu mà quan to đệ nhất phẩm. **Hải-Thụy**

76. – Tâm sự người trượng-phu, nên sáng như giời xanh, rõ như ban ngày, để cho ai ai cũng được trông thấy. **Tiết-huyền**

77. – Bổ cứu giời đất gọi là « công », ích lợi thế gian gọi là « danh », có tình thần gọi là « giàu », có liêm sĩ gọi là « sang », biết đọc sách gọi là « phúc », có tiếng thơm gọi là « thọ », có con cháu dạy được gọi là « khang ninh ». **Trần-Cấp-Sơn**

78. – Nuốt được cái cay đắng trong cái cay đắng, mới làm được hạng người trên loài người. **Lục tài tử**

79. – Thân ở trong muôn loài, tâm ở trên muôn loài. **Bạch-Sa**

80. – Kẻ có ích cho đời, tâm địa chắc hẳn hơn người ; kẻ thụ dụng ở đời, tài tình quyết là không lộ (*những người nông nổi, trong không có gì, như chiếc thuyền nan để không, nổi bênh mặt nước, lung-lay lúng-liếng luôn luôn. Thuyền chở được nhiều, thì bao giờ trông cũng trầm trọng*). **Trần-kế-Nho**

81. – Không lấy bậy, tay thơm ; không chơi bậy, thân thơm ; không nói bậy, miệng thơm ; không nghĩ bậy, tâm thơm. **Thang-Nhược-Sĩ**

82. – Làm quan mà có tính nhàn tản yên vui, công việc tất niên trẻ nãi ; làm quan mà đem lòng thương công kể lợi, tâm địa tất nhiên gian tham. **Lã-Khôn**

83. – Một bậc anh hùng cứu nạn, giúp nguy, thì cốt nhất phải lao tâm, khổ lực ²⁸. **Tăng-quốc-Phiên**

84. – Ta có tai, mắt, ta nghe, ta trông ; ta có tâm tư, ta suy, ta nghĩ ; ta đối với người đời xưa, có lúc ta thờ như thầy, có lúc ta kính như bạn cũng có lúc ta kình-địch không chịu. Ta theo công-lý, nhất quyết ta không làm tội tổ cố-nhân. **Lương-Khải-Siêu**

IV. – HỌC VẤN

(Học và hỏi)

85. – Hay hỏi thì biết rộng, tự dụng ²⁹ thì hẹp hỏi. **Thư-kinh**

86. – Không lo, sao có được ; không làm sao có nên. **Thư-kinh**

87. – Ai phải là ta học. **Thư-kinh**

88. – Có học những câu cổ-nhân dạy thì mới hay. **Thư-kinh**

89. – Ngọc không giũa, không thành đồ đẹp ; người không học, không biết nghề phải. **Lễ-ký**

90. – Càng học càng biết mình còn kém. **Lễ-ký**

91. – Để nhón tuổi mới học thì khó nhọc mà khó thành. **Lễ-ký**

92. – Thấy người hay, nghĩ sao cho bằng ; thấy người dở, tự xét mình xem có dở như thế không. **Luận-ngữ**

93. – Chất phác quá thì ra quê mùa, văn hoa quá thì ra hào-nhoáng. **Luận-ngữ**

94. – Nghe cho nhiều, rồi chọn điều phải, và cố làm kỳ được ; xem cho rộng, rồi ghi nhớ lấy, để suy xét cho tường. **Luận-ngữ**

95. – Bất cập là dở, mà thái quá cũng không hay. **Luận-ngữ**
96. – Tính người lúc mới sinh không khác nhau mấy, chỉ vì tập quen hay thì hay, tập quen dở thì dở. **Luận-ngữ**
97. – Học rộng mà phải chuyên tâm, bền chí, hỏi những điều thiết thực ³⁰ mà suy nghĩ để hay cho tâm thân. **Luận-ngữ**
98. – Đối với kẻ tự hại thân ³¹, dầu nói cũng bằng thừa ; đối với kẻ tự liều thân, dầu giúp cũng vô ích. **Mạnh-tử**
99. – Những người trải qua tai hoạn, thì thường thấu nhẽ và giỏi việc. **Mạnh-tử**
100. – Tin sách cả, không bằng không sách còn hơn. **Mạnh-tử**
101. – Kẻ sĩ cần nhất phải khí độ cho to, và kiến thức cho rộng. **Bùi-hành-Kiệm**
102. – Người ta biết nhiều cũng là làm giàu. **Gia-ngữ**
103. – Gươm tuy tốt , có mài mới sắc ; tài tuy tốt, có học mới cao. **Tập-ngữ**
104. – Đợi rồi mới học, thì lúc rồi cũng không có thể học được. **Hoài-nam-tử**
105. – Trăm sông học bể, đến được bể ; gò đồng học núi, không đến được núi ; là tại một đặng đi một đặng đứng. **Dương-tư**
106. – Băng ³² ở nước ra mà lạnh hơn nước ; màu xanh ở chàm ra mà thắm hơn chàm. **Tuân-tử**
107. – Không biết thì hỏi, không hay thì học. **Phồn-lộ**
108. – Tài cao mà không học, vẫn chưa là hoàn toàn. **Thuyết-uyển**

109. – Kẻ học giả không lo không có tài, chỉ lo không có chí. **Trung-Luận**

110. – Hại còn gì to bằng không chịu sửa lỗi ; nhục còn gì to bằng không biết xấu hổ. **Văn-trung-Tử**

111. – Học cũng có ích như giồng cây : mùa xuân được hoa, mùa thu được quả. **Nhan-thị gia-huấn**

112. – Đồ dùng bản thì biết rửa, tâm địa³³ bản sao lại để yên. **Ý-Lâm**

113. – Càng học càng hay cũng như khát mà ra sông, ra bể uống, uống nhiều thì được nhiều, uống ít thì được ít. **Thận-Tử**

114. – Vui nhất không gì bằng xem sách ; cần nhất không gì bằng dạy con. **Sử-Điền**

115. – Thường được nghe những câu ngang tai³⁴, thường gặp phải những việc phật ý³⁵, cũng là một sự mài giũa cho người ta được hay. **Hồng-Tự-Thành**

116. – Sĩ phu mà ba ngày không xem sách, thì soi gương mặt mũi đáng ghét, nói truyện nhạt-nheo khó nghe. **Hoàng-Đình-Kiên**

117. – Học mà chưa thấy vui thì chưa gọi là học. **Tư-mã-Quang**

118. – Phú quý mà kiêu ngạo, cố nhiên là không phải ; học thức mà kiêu ngạo, cái hại cũng khá to. **Trình Hiệu**

119. – Đọc sách hay, làm cho thân ta được ít lỗi. **Lã-Khôn**

120. – Học cần nhất phải biến hoá khí chất.³⁶ **Tiết Huyện**

121. – Xem nhiều cổ huấn³⁷ để cho hay người, biết nhiều truyện đời để cho thạo việc. **Hoàng Sĩ-Nghị**

122. – Học giả nên thu liễm ³⁸ tinh thần : ví như lò lửa, để tụ lại thì vừa nóng, vừa sáng mãi, tản ra thì chóng tàn. **Hạ Đông-Nam**

123. – Học vậ sau mới biết có lỗi, học kỹ vậ sau mới biết đổi lỗi. **Phan Nam-San**

124. – Trải qua một phen tỏ triết ³⁹, tăng thêm một phần kiến thức. **Kinh-viên tiểu-ngữ**

125. – Nhà phú quý nên học cách khoan dung, người thông minh nên học thói trung hậu. **Trần-Kế-Nho**

126. – Có học vấn mà không có đạo đức thì là người ác ; có đạo đức mà không có học vấn thì là người quê. **La Tư-Phúc**

127. – Đọc sách mà con mắt không tinh, thế là vùi dập cái khổ tâm ⁴⁰ của người đời cổ. **Ngạn-ngữ**

V. – TÍNH - TÌNH

(Tính giới, Tính người)

128. – Đáng vui mà buồn, đáng buồn mà vui, đều là táng tâm ⁴¹ cả. **Tả truyện**

129. – Sự vui sướng của thăng đại, người khôn lấy làm buồn rầu. **Chiến-quốc-sách**

130. – Những người cùng thích một việc hay ghen ghét nhau ; những người cùng lo một việc hay thân thiết nhau. **Chiến-quốc-sách**

131. – Tiếng người không cánh mà bay xa tình người không rễ mà bám chặt. **Quân-tử**

132. – Người còn, bụng chết , còn gì thảm hơn. **Trang-tử**

133. – Vui không gì vui bằng thích điều lành, khổ không gì khổ bằng nhiều lòng dục. ⁴² **Tố-thư**

134. – Tính nước vẫn trong, cát đá làm bẩn tính người vẫn lành, thị dục làm hại. **Văn-tử**

135. – Sự « giận khí huyết » ⁴³ không nên có sự « giận nghĩa lý » ⁴⁴ không nên không. **Sử-diên**

136. – Nghe nhời chê-bai mà giận, là làm ngòi cho người ta gièm pha ; nghe câu khen ngợi mà mừng, là làm mối cho người ta nịnh-hót. **Văn-trung-Tử**

137. – Lòng giận-giối tệ hại vô cùng : bốc lên thì dễ, giẹp đi thì khó. **Trình-Di**

138. – Cũng một chữ « tình » đem dùng cho quốc gia, xã-hội, thì hay vô cùng, đem dùng ở chốn nguyệt-hoa, thì có khi thiệt mạng. **Hiệp-tà-Kính**

139. – Hai chữ « lần lữa » ⁴⁵ đủ hại một đời. **Cổ-ngữ**

140. – Sĩ phu nên có tấm lòng lo việc nước, chẳng nên chỉ có nhời bàn lo việc nước. **Cấp chủng Chu thư**

141. – Thói thường người đời rất hay thay đổi : việc chưa đến, ai ai cũng nói giỏi ; việc đã đến, ai ai cũng tránh khó ; việc đã xong, ai ai cũng nhận công. **Nhân sinh tất độc thư**

142. – Kẻ hay hiếu danh, việc làm thường giả dối. **Lã-Khôn**

143. - Ở đời cái gì thung dung thì còn, mà cấp bách ⁴⁶ thì mất : Việc mà thung dung thì có ý vị, người mà thung dung thì thường sống lâu. **Lã-Khôn**

VI. – THÀNH TÍN

(Thực tín)

144. – Làm điều thành thật, thì bụng yên-ổn và một ngày một hay ; làm điều gian dối, thì bụng bấn-khoăn và một ngày một dở. **Thư kinh**

145. – Vàng ngọc không quý báu bằng « trung tín »⁴⁷. **Lễ-ký**

146. – Chớ tự mình dối mình. **Đại-học**

147. – Người mà không có « tín », chẳng biết người ấy làm ra thế nào, mà hay được (*người không có tín thì nói dối, làm càn, đi đâu cũng hồng*). **Luận-ngữ**

148. – Lòng tin nhau nếu chẳng được lâu bền, thì ăn thề cũng vô ích. **Tả-truyện**

149. – Ai mà vâng liều, hứa liều, tất nhiên ít khi giữ được đúng. **Lão-Tử**

150. – Người miệng nói khôn khéo quá thì ít thành tín. **Hàn thi ngoại-truyện**

151. – Quân-tử xử với người, còn hết lòng huống chi tự-xử với mình ; tiểu-nhân tự xử với mình, còn hay dối, huống chi xử với người. **Dương-tử**

152. – Có lòng thành thật, mà không biết quyền biến,⁴⁸ cũng là một cách nguy vong.⁴⁹ **Diêm-thiết-luận**

153. – Vì không thấy mà cứ không tin, thì cũng như con ve sấu không biết tuyệt. **Diêm-thiết-luận**

154. – Khéo mà dối-giã không bằng vụng mà thật thà. **Thuyết-Uyển**

155. – Lấy lòng chân thật cảm động người ta thì người ta cũng lấy lòng chân thật mà xử lại ; lấy cách trí thuật cài đặt người ta, thì người ta cũng lấy cách trí thuật mà đả lại. **Trình-Di**

156. – Người mà không trung tín, không thể đứng được ở đời. **Trình-Di**

157. – Một chữ « thành » đủ dùng để tiêu muôn dối, một chữ « kính » đủ dùng để địch nghìn tà. **Tào-Nguyệt-Xuyên**

158. – Đạo của người quân-tử, chẳng gì to bằng đem « trung thành » mà xướng xuất⁵⁰ cho cả thiên-hạ. **Tăng-Quốc-Phiên**

VII. – CHÍ TIẾT

(Chí khí tiết hạnh)

159. – Thấy lợi chẳng bỏ nghĩa, thấy chết chẳng đổi lòng. **Lễ-Ký**

160. – Quân-tử cố cùng, (*Quân tử bền gan chịu cảnh cùng không vì cùng mà làm bậy*). **Luận-ngữ**

161. – Giàu sang không thể đấng được tâm mình, nghèo hèn không thể đổi được tiết mình, uy vũ⁵¹ không thể tỏa được chí mình. **Mạnh-Tử**

162. – Người ta, có chẳng chịu làm điều dở, vậy sau mới khả dĩ làm được điều hay. **Mạnh-Tử**

163. – Bỏ đời người đi, để làm việc nghĩa. **Mạnh-Tử**

164. – Giàu mà luộm-thuộm, chẳng bằng nghèo mà thanh danh ; sống mà nhục, chẳng bằng chết mà vinh. **Lễ-Ký**

165. – Sang một mình, giàu một mình, người quân-tử lấy làm xấu hổ. **Lễ-Ký**

166. – Chịu nhục để sống ở đời, người trượng-phu lấy làm xấu hổ. **Yên-đan tử**

167. – Chí người trượng-phu, càng cùng càng phải kiên gan, càng già càng phải hăng-hái. **Mã-Viện**

168. – Quan văn không tiếc tiền, quan võ không tiếc mạng, thiên-hạ mới được thái-bình. **Nhạc-Phi**

169. – Đối với việc nước, hết hơi, hết sức, làm cho đến khi chết mới thôi. **Gia-Cát Khổng-Minh**

170. – Liều thân chấy ⁵² nạn nước, coi chết thoảng như về ⁵³. **Tào-Tử-Kiến**

VIII. – NGÔN, HÀNH

(Nhời nói, việc làm)

171. – Loạn sinh ra là bởi nhời nói. **Dịch-Kinh**

172. – Người hay, ít nói ; người nông-nỗ, nhiều nhời. **Dịch-Kinh**

173. – Câu nói trái ý, tất phải xem xét câu ấy có hợp lý không ; câu nói chiều lòng, tất phải xem xét câu ấy có vô lý không. **Thư-Kinh**

174. – Miệng thường làm cho người ta xấu hổ. **Thư-Kinh**

175. – Bàn việc công, không nên nói truyện tư. **Lễ-Ký**

176. – Sa chân thì chết đuối, sẩy miệng thì chết oan. **Lễ-Ký**

177. – Chỉ có nói, không có làm, người quân-tử lấy làm xấu hổ. **Lễ-Ký**

178. – Nhanh-nhẹn việc làm, cẩn thận câu nói. **Luận-ngữ**

179. – Lúc đáng nói mới nói, thì người nghe không chán. **Luận-ngữ**

180. – Người đáng nói với, mà mình không nói, là bỏ hoài người ; người không đáng nói với, mà mình nói là phí mất nhời. **Luận-ngữ**

181. – Nói, phải nghĩ cả đến làm ; làm, phải nghĩ lại đến nói. **Trung-dung**
182. – Nhời nói giản-dị mà ý sâu xa, là nhời nói hay. **Mạnh-tử**
183. – Nói nhời chớ có nuốt nhời. **Công-dương truyện**
184. – Việc làm muốn trước người, nhời nó muốn sau người. **Đại-đái-ký**
185. – Nhời nói ngọt-ngào, trong tất cay đắng. **Thân-sinh**
186. – Nhời nói hay, giúp người ấm hơn vải lụa ; nhời nói dở, hại người, đau như gươm giáo. **Tuân-Tử**
187. – Miệng là cái cửa hoạ, phúc. **Quách-Yên**
188. – Không biết mà nói là ngu, biết mà không nói là hiểm. **Chiến-quốc sách**
189. – Muốn cho người không nghe, chẳng gì bằng đừng nói ; muốn cho người không biết, chẳng gì bằng đừng làm. **Hán-thư**
190. – Chớ nói nhiều, nói nhiều, lỗi nhiều. **Gia-ngữ**
191. – Thuốc hay đắng miệng, đã được tật ; nói thật trái tai, lợi việc làm. **Gia- ngữ**
192. – Suốt đời làm lành, một câu bạc ác đủ đổ đi cả. **Gia-ngữ**
193. – Quân-tử nói bằng việc làm, tiểu-nhân nói bằng ngọn lưỡi. **Gia-ngữ**
194. – « Câu nói » không nói ra, nghe lại to hơn tiếng trống, ran hơn tiếng sấm. **Quản-tử**
195. – Tặng một câu hay, quý hơn tặng vàng ngọc, châu báu. **Tuân-tử**

196. – Chim mà mỏ quặp thì loài chim sợ ; cá mà miệng ngoáp thì loài cá sợ ; người mà ngọn lưỡi sắc-sảo thì loài người sợ. **Hàn thi ngoại-truyện**

197. – Nhời nói đáng tin thì giọng không đẹp, nhời nói giọng đẹp thì không đáng tin. **Lão-tử**

198. – Hai bên cùng mừng, hay khen ngợi quá đáng, hai bên cùng giận, hay bêu-giếu đặt điều. **Trang-Tử**

199. – Trí khôn muốn cho tròn, việc làm muốn cho góc gách. **Hoài-nam-tử**

200. – Người quân-tử chẳng sợ cọp, chỉ sợ miệng kẻ gièm-pha. **Luận-hành**

201. – Không nên mưu việc nhớn với kẻ đa ngôn ⁵⁴ ; không nên ở chung lâu với người hiếu động ⁵⁵. **Văn-trung-tử**

202. – Việc làm được trước mặt mọi người thì hãy nói ; câu nói được trước mặt mọi người thì hãy làm. **Sử-điển**

203. – Bệnh theo miệng mà vào, vạ tự miệng mà ra. **Phó-Dịch**

204. – Biết được làm là khó, thì nói không nhẹ miệng. **Chu-Hi**

205. – Đương khi vui mừng, chớ có nói nhiều ; đương khi đắc chí, ⁵⁶ chớ có thay đổi công việc. **Chu-Hi**

206. – Kẻ giỏi nghị luận người, thường quên mình không xét đến. **Trương-Thức**

207. – Việc gì không thể đối người nói được thì đừng làm ; việc gì không thể cùng người làm được thì đừng nói. **Triệu-Biện**

208. – Tâm không bình, khí không hoà, thì nói hay nhằm lỗi. **Hứa-Hành**

209. – Biết, phải biết cho suốt ; làm, phải làm cho đến nơi. **Trương-Tĩnh-Phong**

210. – Nghìn nhờ nói, muôn câu truyện cốt ở sự thật. **Tiết-Huyên**

211. – Nhờ nói như tên, không không bắn bậy, đã lọt vào tai ai, thì không tài nào rút ra được nữa. **Lục-tài-tử**

212. – Nhờ nói mà gián-dị, vừa-phải, thì ta ít khi hối, mà người ít khi oán. **Viên thị thế-phạm**

213. - Khi xong việc mới nghị-luận, đứng ngoài cuộc mà phẩm bình, là cái nét xấu của kẻ học-giả. **Nguy-Hy**

214. – Đương lúc thích chí, gặp người thích chí, nói truyện thích chí, thì ngôn ngữ lại càng phải cẩn thận lắm. **Lưu-trấp-Sơn**

215. – Việc làm nên trước mọi người, câu nói nên sau mọi người. **Lã-Khôn**

216. – Làm việc nghĩa thì chớ tính lợi hại ; luận anh hùng thì chớ kể nên thua. **Lã-Khôn**

217. – Ngôn ngữ ác nhất là đặt điều, nói không. **Lã-Khôn**

218. – Gièm-pha mai-mĩa là một chứng xấu nhất ở đời. **Lã-Khôn**

219. – Nói truyện chớ châm chọc để người ta buồn ; nói đùa chớ cạnh khoé để người ta đau. **Lục-lũng-Kỳ**

220. – Đại cục tuy một ngày một bại hoại, chúng ta vẫn phải hết sức duy-trì, được phần nào hay phần ấy, còn ngày nào hay ngày ấy. **Tăng-quốc-Phiên**

IX. – QUÁ THẤT

(Nhầm lỗi)

221. – Thấy phải thời theo, có lỗi thời đổi. **Dịch-kinh**
222. – Chớ xấu hổ có lỗi, mà lại làm càn. **Thư-kinh**
223. – Có lỗi mà chẳng đổi, thế thật là có lỗi. **Luận-ngữ**
224. – Có lỗi đổi được, còn gì hay hơn. **Tả truyện**
225. – Người ta thường có lỗi, vậy sau mới hay đổi. **Mạnh-Tử**
226. – Người ta khổ vì không biết cái lỗi của mình. **Đường Thái-Tôn**
227. – Cái lỗi cốt ý làm, là lỗi lớn : lỗi vô ý nhờ là lỗi nhỏ. **Đường-Bưu**
228. – Có lỗi mà chẳng đổi, gọi là kẻ mất hết lương tâm. **Trung-luận**
229. – Không gì dở bằng « Ghét nghe điều nhầm lỗi của mình ». **Uý-liệu-Tử**
230. – Nói đương sướng hả mà nín ngay được ; ý đương hơn-hở mà thu hấn được : tức, giận, ham mê đương sôi-nổi, nồng-nàn mà tiêu trừ biến mất được ; không phải là người kiên-nhẫn, thì không tài nào được như thế. **Vương-thủ-Nhân**
231. – Có lỗi đã là một điều lỗi, không chịu nhận lỗi, lại là một điều lỗi nữa. **Lã-Khôn**
232. – Kẻ khoe cái hay của mình là xấu ; kẻ nhạt nhẽo cái hay của người làm của mình, lại càng xấu nữa ; kẻ lấy hấn cái hay của người làm của mình, lại càng xấu lắm nữa. **Lã-Khôn**
233. – Lúc giàu chẳng sèn, lúc nghèo mới hối ; lúc rồi, chẳng học, lúc làm mới hối ; lúc thường chẳng giữ gìn, lúc ốm mới hối. **Cổ-ngữ**

234. – Điều dưỡng cái « khí » lúc đang giận ; đề phòng (câu nói) lúc sượng mồm ; lưu tâm sự « nhằm » lúc bối-rối ; biết dùng « đồng tiền » lúc sẵn-sàng. **Uông-Thụ-Chi**

X. – VỆ-SINH

(Giữ sức khoẻ)

235. – Dưỡng sinh không gì hay bằng ít lòng ham muốn, say mê. **Mạnh-Tử**

236. – Tinh-thần dùng quá thời kiệt, hình thể làm quá thời mệt. **Tư-mã-Thiên**

237. – Người khéo nuôi thân, không cần phải cao lương⁵⁷. **Diêm thiết luận**

238. – Bệnh vừa mới bớt, phải lại nhiều khi nặng thêm. **Hàn thi ngoại-truyện**

239. – Đói mà cho ăn của độc, thì thật là giết người. **Hà-Xưởng**

240. – Ai cũng muốn sống lâu, mà không biết cách dưỡng sinh. Ai cũng biết ăn uống quá độ thì ốm đau, mà không biết giữ miệng. Ai cũng biết tình dục quá độ thì khô héo mà không biết phòng thân. **Bảo-phác-tử**

241. – Thầy thuốc giỏi, dặn cách ăn năm trước, rồi cho thuốc thang sau. **Văn-trung-tử**

242. – Người khôn ngoan không đợi ốm mới chữa, chữa khi chưa ốm. **Tô-vấn**

243. – Vạ từ miệng mà chui ra, bệnh theo miệng mà chui vào. **Phó-Rịch**

244. – Người ta đến lúc già yếu mới vệ sinh, thì khác nào đến lúc nghèo khổ mới dành địn, tuy chăm-chỉ cũng không ích gì. **Trình-Hiệu**

245. – Tinh-thần không vận dụng thời ngu, khí huyết không chuyển vận thời ốm. **Lục-Tượng-sơn**

246. – Buổi sáng dậy sớm, thật tốt vô cùng. **Kinh viên tiểu ngữ**

247. – Thường làm lấy những việc vặt, thì khoẻ mạnh người. **Kinh viên tiểu ngữ**

248. – Bớt lo, bớt sầu, đừng phiền, đừng náo, là một cách làm cho tâm ta bớt được nhiều bệnh. **Nguyện thể tập**

249. – Ít sắc dục để nuôi « tinh »⁵⁸ ít ngôn ngữ để nuôi « khí »⁵⁹ ít tư lự để nuôi « thần »⁶⁰. **Tuân-Sinh-Tiên**

250. – Muốn cho thân không có bệnh, trước hết phải để cho tâm không có bệnh. **Tuân-Sinh-Tiên**

251. – Yêu con mà yêu một cách cho ngon ngọt, là làm cho con hại thân⁶¹; thương con mà thương một cách để cô tức⁶², là làm cho con bại đức⁶³. **Lã-Khôn**

252. – Những cách làm cho sống lâu : Từ⁶⁴, Kiệm⁶⁵, Hoà⁶⁶, Tĩnh⁶⁷. **Cổ-ngữ**

253. – Thân mình như hòn ngọc trắng, hễ cầm sầy tay là vỡ tan. **Cao-Phan-Long**

254. – Rối-rãi ở nhưng luôn, thời thân thể liệt-bệt, tâm chí cùn-mẫn. **Hồ-Lâm-Giữt**

255. – Rượu là thứ thuốc độc nát ruột, gái là con dao thép cắt xương. **Cổ huấn**

CHƯƠNG THỨ HAI

Đối với gia tộc

I.– TRÌ GIA

(Quản trị việc nhà)

256. – Ngựa què làm đổ xe, đàn bà ác nghiệt làm tan nhà, nát cửa. **Dịch vĩ**
257. – Chẳng lo hiểm người, chỉ lo cái « phận » kẻ trên, người dưới không phân minh ; chẳng lo thiếu của, chỉ lo cái « lòng » kẻ trên, người dưới không hoà thuận. **Luận-ngữ**
258. – Trong nhà không thu xếp cho thoả thuận, mà đi kể truyện với láng giềng, thì chưa gọi là phải được. **Chiến-quốc sách**
259. – Những nhà tích đức ⁶⁸, quyết nhiên không có tai ương. **Tân ngữ**
260. – Lấy vợ, lấy chồng mà cứ kể đến đồng tiền thật là mọi-rợ. **Văn-trung tử**
261. – Dạy vợ khi mới về, dạy con khi còn nhỏ. **Nhan thị gia-huấn**
262. – Chăm-chỉ học hành là cái gốc để gây nhà, ăn nói lễ phép là cái gốc để giữ nhà, cư-xử hoà thuận là cái gốc để trị nhà. **Chu-Hi**
263. – Cần kiệm là điều cốt yếu để trị gia ⁶⁹, học hành là điều cốt yếu để khởi gia ⁷⁰, hoà thuận là điều cốt yếu để tề gia ⁷¹ làm theo công lý là điều cốt yếu để bảo gia ⁷². **Chu-Hi**
264. – Cách trị nhà cốt ở « hoà », cách mưu sinh ⁷³ cốt ở « chăm ». **Chu-Hi**

265. – Nhà thịnh hay suy, không tại giàu sang hay nghèo hèn, chỉ tại có lễ nghĩa, hay không có lễ nghĩa. **Lục-Cử-Uyên**

266. – Rất vui không gì bằng xem sách, rất cần không gì bằng dạy con. **Sử điển nguyện thể tập**

267. – Lúc có tiền nên nghĩ đến ngày không có tiền ; chớ để đến ngày không có tiền, mới nhớ lại đến lúc có tiền. **Cổ ngữ**

268. – Trị nhà kiêng nhất là xa xỉ, thứ nhì là biến lộn. **Nghê Tư**

269. – Cư xử trong nhà không gì hay bằng « nghĩa »⁷⁴ không gì quý bằng « nhân ».⁷⁵ **Tiết-Tư-am**

270. – Xử công việc nhà, nên khoan-thai công minh cho đâu ra đấy, thì việc không rối, mà người nhà không ai oán, cũng không ai nói dối được. **Ngụy-Hy**

271. – Thương yêu con em mà không dạy cho biết nghĩa lý, giữ chức phận ; tuy của có nhiều, chúng lại càng hoang dâm, tuy học hay chữ, chúng lại càng gian trá. **Trình-Hán-Thư**

272. – Chính thân mình không có quy củ⁷⁶, thì chỉnh lý thế nào được một nhà. **Trình-Hán-Thư**

273. – Người gia trưởng⁷⁷ tức là cái gương cho cả nhà soi : phải thành thật, phải công minh, phải cần mẫn, phải tiết kiệm. **Sử điển nguyện thể tập**

274. – Tâm thuật chớ để đắc⁷⁸ tội với giới đất ; ngôn, hành cần làm khuôn phép cho con em. **Cổ ngữ**

II. – HIẾU, HỮU

(Hiếu-thảo, thân yêu)

275. – Dậy sớm, thức khuya, nghĩ làm sao không để nhục đến cha mẹ.

Thư-kinh

276. – Người mà cha mẹ yêu, ta cũng phải yêu ; người mà cha mẹ kính, ta cũng phải kính. **Lễ-ký**

277. – Chớ để nhục đến thân mình, chớ làm xấu cho cha mẹ. **Lễ-ký**

278. - Ở nhà thì hiếu-thảo với cha mẹ, ra ngoài thì kính thuận với người trên. **Luận-ngữ**

279. – Cha mẹ như có lỗi, phải dịu-dàng hoà-nhã, liệu nhời can ngăn. **Luận-ngữ**

280. – Con ăn ở với cha mẹ, việc phụng dưỡng cần phải có, mà lòng tôn kính cần phải có hơn. **Luận-ngữ**

281. – Không thừa nhận để vui lòng cha mẹ, không đáng gọi là người ; không cảm động để làm hay cho cha mẹ, không đáng gọi là con. **Mạnh-Tử**

282. – Người con đại hiếu, suốt đời mến cha mẹ. **Mạnh-Tử**

283. – Trong gia-đình mà người trung ⁷⁹ chẳng dạy dỗ kẻ bất trung, người tài chẳng trông nom kẻ bất tài, thì kẻ hay, người dở cũng chả khác nhau mấy. **Mạnh-Tử**

284. – Kẻ biết làm con, vậy sao mới biết làm cha. **Gia-ngữ**

285. – Cây muốn lặng, gió chẳng dừng ; con muốn nuôi, cha mẹ đã khuất. **Gia-ngữ**

286. – Anh em liên can với nhau như là tay phải với tay trái. **Thiệu-Tục**

287. – Thế-gian rất khó được là anh em. **Tô-Quỳnh**

288. – Người hếu lắm, nuôi chí cha mẹ, người hiếu vừa, nuôi thân-thể cha mẹ. **Ý lâm**

289. – Cha con cùng lòng thì đất cũng hoá ra vàng, anh em gom sức thì đá cũng thành ra ngọc. **Cổ ngạn**

290. – Con nhà tử tế, cha giận, sợ ít, cha không nói, lại sợ nhiều. **Cổ-ngữ**

291. – Con ăn ở với cha mẹ, cốt nhất nuôi « tâm »⁸⁰ người, thứ nhì nuôi « thân »⁸¹ người ; nuôi thân mà không nuôi « tâm » là kém lắm ; ăn ở chỉ văn-vẻ bề ngoài, mà chẳng nghĩ đến « thân » người, lại là kém quá lắm nữa. **Lã-Khôn**

III. – GIÁO DỤC

(Sự dạy dỗ)

292. – Người ta không kỳ loài giống nào, đều có thể dạy được cả. **Luận-ngữ**

293. – Ăn no, mặc ấm, ở rồi, mà không có dạy-dỗ, thời gần như giống vật. **Mạnh-Tử**

294. – Để cho con một hòm vàng, không bằng dạy cho con một quyển sách. **Vi-Hiền-truyện**

295. – Dem việc làm dạy người ta thì người ta theo ; chỉ dem nhời nói mà dạy người ta thì người ta không phục. **Đệ-ngũ-Luân**

296. – Người mẹ lành quá, hay có con hư. **Diêm thiết luận**

297. – Sửa điều dở cho ai chớ nghiêm khắc quá ; dạy điều hay cho ai, chớ cao xa quá. **Sử diên**

298. – Người ta ngu đến đâu cũng dạy được mà khôn đến đâu cũng phải đậy. **Trần-Hoành-Mưu**

299. – Chồng sợ vợ cố nhiên là ngu, nhưng vợ mà không biết sợ chồng, lại là hạng ngu quá. **Cổ Huấn**

300. – Nuôi con mà không dạy là gây một đàn trộm cướp. **Vô danh**

IV. – LỄ ĐỘ

(Lễ phép, phong thể)

301. – Những nhà đời đời giàu sang, ít nhà ăn ở có lễ độ. **Thư-kinh**

302. – Người ta có lễ độ thời yên, không lễ độ thời nguy. **Lễ-ký**

303. – Người ta khác giống cầm thú, vì rằng có lễ. **Lễ-ký**

304. – Người giàu sang mà biết lễ, thời không kiêu ngạo, không hoang dâm ; người nghèo hèn mà biết lễ thời chí mới hăng-hái. **Lễ-ký**

305. – Tự xử nghiêm trang mà việc làm thời giản dị. **Luận-ngữ**

306. – Nhà quá hoá nhờn, nghiêm quá thì không ai thân. **Gia-ngữ**

307. – Ai mà tự kính, thời người ngoài mới kính ; ai mà tự khinh, thời người ngoài cũng khinh. **Chu-Hi**

308. – Làm người không nên có « bộ dạng khinh người », nhưng cũng chẳng nên không có « cốt cách khinh đời » (*Không nên khinh người, song nên biết khinh người dở, sự dở*). **Lục-Lũng-Kỳ**

V. – CẦN, ĐẠI

(Chăm chỉ, trẻ biếng)

309. – Có siêng-năng thì sự nghiệp mới to. **Thư-kinh**

310. – « Biết », không phải là khó ; « làm » mới là khó. **Thư-kinh**

311. – Đường dài trăm dặm, tuy đi được chín mươi, song mới là một nửa (*Thói thường làm ăn, trước thì chăm, sau thì lười, cho nên công việc mười phần được chín mà vẫn hay hỏng ; người ta cũng vậy, thường trước hay sau dở ; cho nên càng về sau càng cần, miễn trì thủ thì mới hay*). **Chiến-quốc sách**

312. – Dịp may khó được mà dễ mất. **Tề Thái-Công**

313. – Dòng nước chảy luôn thì không thối, then cửa đẩy luôn thì không mọt. **Lã thị xuân-thu**

314. – Đường tuy gần, chẳng đi chẳng đến ; việc tuy nhỏ, chẳng làm chẳng nên. **Tuân-tử**

315. – Rồi quen thành lười, lười quen thành bệnh. **Nhan thị gia-huấn**

316. – Việc đời vì khó mà bỏ, mười việc độ một việc ; vì lười mà bỏ, mười việc đến chín việc. **Nhan thị gia-huấn**

317. - Ở đời chả có việc gì chẳng khó nhọc mà làm nên. **Văn-trung-tử**

318. – Người ăn dưng, ở rồi là người bỏ đi. **Hồ-Thanh-phủ**

319. – Tắc bóng là tắc vàng, có tắc vàng khó mua được tắc bóng. **Cổ thi**

320. – Chăm-chỉ là thuốc chữa « lười », cẩn thận là thuốc chữa « kiêu ». **Tăng-Quốc-Phiên**

321. – Chăm thời tuy yếu cũng phải mạnh, tuy ngu cũng phải sáng. **Tăng-Quốc-Phiên**

322. – Tập quen khó nhọc là cốt để sau này gánh vác việc đời. **Tăng-Quốc-Phiên**

323. – Cái lười sinh đủ mọi nết xấu. **Tăng-Quốc-Phiên**

324. – Tinh thần càng dùng càng nảy ra, không nên nhân tinh thần mỗi mết mà quá yêu tiếc. **Tăng-Quốc-Phiên**

VI. – XA, KIỆM

(Xa hoa, tần tiện)

325. – Xa xỉ thì việc gì cũng quá lạm, hà-tiện thì việc gì cũng quē mùa. **Luận-ngữ**

326. – Cả nước xa xỉ, thì dạy nước lấy tiết kiệm ; cả nước tần-tiện thì dạy nước lấy lễ nghi. **Lễ-ký**

327. – Cái hại xa xỉ quá là thiên tai ⁸². **Tấn-thư**

328. – Kẻ xa xỉ, thì giàu mà tiêu vẫn không đủ ; kẻ kiệm ước, thì nghèo mà tiêu vẫn có thừa. **Đàm-tử**

329. – Ai mà tự phụng ⁸³ có tiết độ ⁸⁴, thì không sinh lòng tham. **Văn-trung-tử**

330. – Tiết kiệm, chất phác, đều là đức tốt của người ta. **Trình-Di**

331. – Người mà chịu khổ, ăn rau cho là ngon, thì việc gì làm chả nổi. **Uông-Cách**

332. – Biến lận với kiệm ước khác nhau xa ; bủn-xỉn gọi là biến lận, tần-tiện gọi là kiệm ước. **Uông-Cách**

333. – Có kiệm ước mới thanh liêm. **Phạm-thuần-Nhân**

334. – Người nào tự phụng xa xỉ thì họ-hàng ít khi được nhờ. **Trần-Cơ-Đình**

335. – Thường lo không đủ thì tự nhiên có thừa. **Ngụy-Tế-Thụy**

336. – Việc đáng bớt tiêu, mà không bớt tiêu, tất đến việc nên tiêu, lại không chịu tiêu. **Ngụy-Hy**

337. - Ở đời loạn, lại càng không nên xa xỉ lắm. **Tăng-quốc-Phiên**

338. – Kẻ hay kiệm ước không phải lụy người. **Tăng-quốc-Phiên**

VII. – TỪ, ÁI

(Nhân-đức, thương yêu)

339. – Người quân-tử yêu ai, hay dùng cách phải ; người thường yêu ai, hay dùng cách cầu-thả, nộm tạm. **Lễ-ký**

340. – Yêu con sâu xa, thì phải bắt con cần lao⁸⁵ mới được. **Luận-ngữ**

341. – Kính ông già ta, đến cả ông già người ; yêu con trẻ ta, đến cả con trẻ người. **Mạnh-Tử**

342. – Người quân-tử rất ghét việc làm hại đồng loại. **Gia-ngữ**

343. – Ăn quả cây nào, chớ bẻ cành cây ấy. **Hoài-nam-tử**

344. – Giời không phải cho riêng một người giàu, ý giời muốn ký thác⁸⁶ những kẻ nghèo cho người ấy ; giời không phải cho riêng một người sang, ý giời muốn ký thác những kẻ hèn cho người ấy. **Sử-diễn**

345. – Có yêu người, vậy sau mới giữ được thân. **Trương-Tái**

346. – Việc tốt nhất ở thế gian, không gì bằng cứu người nguy cấp, thương kẻ khốn cùng. **Cổ ngữ**

VIII. – ĐỘ LƯỢNG

(Khí cục bao dong)

347. – Biết người ta dối, không thềm nói ra mồm ; phải người ta khinh, không thềm giận ra mặt ; như thế thì có ý-vị⁸⁷ vô cùng, và thụ-dụng⁸⁸ vô cùng. **Súc đức lục**

348. – Giời đâu cũng che, cho nên có tiếng là cao ; đất đâu cũng chở, cho nên có tiếng là rộng ; mặt giời, mặt giếng, chỗ nào cũng soi, cho nên có tiếng là sang ; sông, bể cái gì cũng dong nạp⁸⁹, cho nên có tiếng là nhờn. **Tào-Thực**

349. – Cùng người ta, mà còn có ý so hơn, quản thiệt, thế là trong tâm vẫn còn cặn bã⁹⁰, chưa tiêu trừ hết. **Tiết-huyền**

350. – Nhịn điều người ta không nhịn được, dong điều người ta không dong được, chỉ có người nào kiến thức, độ lượng hơn người, mới được như thế. **Trình-Di**

351. – Đại trượng-phu nên dong người, chớ để người dong. **Chu-Hi**

352. – Khí độ hẹp hòi là cái bệnh rất to của kẻ học-già. **Lã-Khôn**

353. – Bo-bo cùng người, tranh nhau phải trái, như thế thì độ lượng mình cùng độ lượng người, khác nhau được bao nhiêu. **Lã-Khôn**

354. – Vật gì trông qua biết ngay, thì kỳ trung⁹¹ không có gì cả. **Tăng-Quốc-Phiên**

IX. – PHÒNG HOẠN

(Phòng bị việc ưu hoạn)

355. – Người ta nếu không nghĩ xa, thì không bao lâu, thế nào cũng có những sự ưu hoạn khốn khó. **Luận-ngữ**

356. – Hay nói xấu người, khi sẩy ra có vạ miệng, thì tính làm sao ? **Mạnh-tử**

357. – Môi hở răng lạnh. **Tả-truyện**

358. – Sa ngã xuống nước, còn có thể bơi được, đăm đuổi với ai, không thể cứu được. **Đại-Đái ký**

359. – Lỗ kiến vỡ đê, tí lửa cháy đồi. **Hậu-Hán thư**

360. – Người ta đều biết phòng họa hoạn, ít người biết làm cho họa hoạn đừng có sinh ra. **Lão-tử**

361. – Chim sẻ làm tổ đầu nhà, mẹ con hú-hí, tự lấy làm yên ; nhà cháy mà chim vẫn như không, là tại không biết tai vạ sắp đến. **Không-Tòng-tử**

362. – Hồ, báo ở đằng sau, đằng trước tuy có châu báu, cũng không kịp nhặt, là có ý tránh tai họa hoạn trước, còn lợi đành để lại sau. **Hoài-Nam-tử**

363. – Con voi vì ngà, ve-sâu vì tiếng, đom-đóm vì sáng, mà đều hại thân ; cho nên người biết yêu thân, không quý gì tiếng tăm rực-rỡ. **Lã ngữ tập túy**

364. – Cái tường thấp hay mời kẻ trộm đến. **Thi tử**

365. – Chớ khinh việc nhỏ, lỗ thủng con đũa đắm thuyền ; chớ khinh vật nhỏ ; con sâu con đũa hại người. **Quan-Roãn-tử**

366. – Giữ thân nên như phòng giặc. (*Thân không giữ-gìn thì hư, như giặc, không phòng bị thì tràn đến*). **Trịnh-Thiện-phu**

367. – Nên đương lúc có, nghĩ đến lúc không ; chớ đến lúc không, mới tưởng lại lúc có. **Ngạn ngữ**

CHƯƠNG THỨ BA

Đối với nhân-quần, xã-hội

I. – XỬ SỰ

(Xử công việc)

368. – Phải có nhẫn nại ⁹², công việc mới xong. **Thư-kinh**

369. – Việc có dự trước thì làm mới nên. **Trung-dung**

370. – Nóng-nảy muốn chóng thì việc không xong ; ham-mê lợi nhỏ thì hỏng việc nhớn. **Luận-ngữ**

371. – Nhân đức vật, khí khái xằng, thường làm hại công việc nhớn. **Luận-ngữ**

372. – Roi tuy dài, không đánh tới bụng ngựa. (*Quyền thế tuy mạnh cũng không trị đến được*). **Tả truyện**

373. – Người quân-tử chăm biết việc nhớn, việc xa ; kẻ tiểu-nhân chăm biết việc nhỏ, việc gần. **Tả truyện**

374. – Kéo chưa biết cầm, mà sai cắt áo, thì thiệt hại to. **Tả truyện**

375. – Người « trí » hay lo, người « nghĩa » hay làm, người « nhân » hay trì thủ ⁹³. **Cốc-lương**

376. – Việc gì mà công chúng đang giận, thì chớ phạm đến ; việc gì mà riêng mình ham muốn, thì khó làm nên. **Tử-sán**

377. – Lấp nước không lấp tự nguồn, tắt nước lại chảy ; chặt cây không chặt tự gốc, tấy cây nảy mầm. **Sử-Tô**

378. – Ôm củi đi chữa cháy, củi không cháy hết thì lửa vẫn chưa tàn. **Chiến-quốc-sách**

379. – Không lòng báo thù, mà để cho người ta ngờ là báo thù, thì nguy ; có lòng báo thù mà để cho người ta biết là báo thù, thì vụng. **Tô-Đại**

380. – Người đi đêm, tuy không là gian, nhưng không thể cấm chó không cắn được. **Chiến-quốc-sách**

381. – Việc đời có việc không nên biết, có việc nên không biết ; có việc không nên quên, có việc không nên không quên. **Đường-Tuy**

382. – Cả nghe thì sinh dờ, tự phụ ⁹⁴ thì hỏng việc. **Châu-Dương liệt-truyện**

383. – Việc đáng làm thẳng tay mà không thẳng tay, thì thường lại bị hại. **Hán-thư**

384. – Cứng quá thì gãy, mềm quá thì oặt. **Tuấn-Bất-Nghi truyện**

385. – Trăm lần nghe, không bằng 1 lần trông thấy. **Triệu-sung-Quốc truyện**

386. – Gỡ chỉ rối, không nên nóng-nảy. **Cung-Toại truyện.**

387. – Lấy cái dây rất nhỏ, buộc cái vật rất nặng, treo lên chỗ cao lưng-chùng, rủ xuống vực sâu vô hạn, tuy người ngu cũng biết phàn-nàn rằng sắp đứt. **Mai-Tặng truyện**

388. – Người loà cưỡi ngựa mù, nửa đêm đi ra ao sâu. **Thế-Thuyết**

389. – Có khó nhọc một phen, mới được lâu dài rồi-rãi. **Dương-Hùng**

390. – Nước đã đánh đổ, sau hốt không được ; việc đã để hỏng, sau hối không kịp. **Mã-Vũ**

391. – Làm nhà bên đường, gặp ai cũng bàn, thì ba năm không làm xong. **Tào-Bao truyện**

392. – Sai một li, đi nghìn dặm. **Hậu-Hán thư**

393. – Nền không chắc mà tường cao, là sự bại hoại nằm sẵn ở đó. **Hậu-Hán thư**

394. – Khuấy nước sôi cho khỏi reo, không bằng rút củi cho bớt lửa. **Hậu-Hán thư**

395. – Đã nuôi cọp, phải cho ăn thịt no, không thì bị nó sửa mắt. **Lã-Bố truyện**

396. – Việc đòi không được như ý, mười việc thường đến tám, chín việc. **Dương-Hỗ**

397. – Chẳng quý một thước ngọc, mà trọng một tất quang-âm ⁹⁵. **Hoài-Nam-tử.**

398. – Đá giữa ngọc, muối đánh vàng, vật có nhiều thứ tầm thường mà làm tốt được cho thứ quý-báu. **Tiền-phu.**

399. – Ai giống đào, mận, mùa hè có bóng mát-mẻ, mùa thu lại được quả ngon ; ai giống tật-lê, mùa hè không chỗ nghỉ-ngơi, mùa thu lại phải ai-góc. **Thuyết-Uyên**

400. – Nghĩ sâu, tính xa, thì không cùng khôn. **Tố Thư**

401. – Thấy gì quái gở, không cho là quái gở, thì quái gở tự nhiên lui. **Nghệ văn loại tụ.**

402. – Ky nhau còn gì bằng nước với lửa, thế mà khéo dùng, đem lửa đun nước, thì được bao nhiêu là việc. **Phó-tử giả ngôn**

403. – Đem xương trừ kiến, kiến lại càng nhiều ; lấy cá đuổi ruồi, ruồi lại càng đến. **Hàn-phi-tử**

404. – Việc làm kín đáo thì mới nên, câu truyện tiết lộ thì hay hỏng. **Hàn-phi-Tử**

405. – Việc làm trái nẽ mà muốn xong, khác nào cầm ngược quần mà tìm cạp. **Đặng-Tích-Tử**

406. – Chẳng nên bới lông mà tìm vết. **Hàn-phi-Tử**

407. – Nhà cháy, người đến chữa thì ơn ; những bức già cả bảo dọn củi, giữ bếp, được suốt đời không hỏa hoạn⁹⁶ thì lại không ơn đến. **Thi-tử**

408. – Không gì giỏi bằng hay bàn, không gì yêu bằng hay nhẫn, không gì hơn người bằng có đức, không gì sướng thân bằng làm lành. **Hoàng-Thạch-công**

409. – Thiên hạ vốn không có việc gì, chỉ tại đám người tầm thường hay sinh sự quấy rối. **Lục-Tượng-Tiên**

410. – Việc đời, người nghe thấy, không bằng người trông thấy rõ hơn, người trông thấy không bằng người đã ở đấy biết tường tận hơn. **Lục-Du**

411. – Việc tất đến thế, lý tất phải thế, chỉ có người trầm tĩnh mới trông thấy trước và biết rõ ràng. **Tô-Tuân**

412. – Phàm việc để tâm lo sợ thì hay nên, khinh thường thì hay hỏng. **Lã-Tổ-Khiêm**

413. – Người khôn lo việc : không lo việc một ngày, thường lo việc trăm năm. **Tạ-Kim**

414. – Người đại trượng-phu đau lòng việc nước, nên thung-dung, trầm tĩnh, để mà lo mà toan. **Lục-Triều-sử-luân**

415. – Không có việc, chớ nên sinh việc ; có việc chớ nên sợ việc. **Tôn-Hạ-Phong**

416. – Làm việc vô ích để cầu phúc, không bằng làm việc có ích để cứu người. **Lục Thế-Nghi**

417. – Xưa nay những bậc anh hùng, chỉ vì không chịu thiệt, mà hại bao nhiêu công việc to. **Lâm Thoái-traí**

418. – Kẻ tính hay hồ nghi, chớ cùng lo toan việc nhớn. **Kinh-viên tiếu ngữ**

419. – Xử những việc khó càng nên khoan dung ; xử với người khó xử, càng nên trung hậu ; xử thời buổi khó-khăn, ngờ-vực, càng nên tự nhiên như vô tâm. **Lý-Tiêu-Viễn**

420. – Cái thói viêm lương⁹⁷, kẻ phú quý lại tệ hơn kẻ bần tiện ; cái lòng đố kỵ⁹⁸, người thân thích lại tệ hại hơn người dưng. Nếu không coi bằng « mắt lạnh nhạt » xử bằng « khí hòa bình » thì thật là ngày ngày ngồi trong màn phiến não⁹⁹. **Trần-Cấp-Sơn**

421. – Chớ đem lòng ham mê, say đắm mà tự giết mình ; chớ đem tiền của bất nghĩa mà giết con cháu ; chớ đem chính sự ác mà giết dân ; chớ đem học thuật xằng mà giết thiên hạ, hậu thế¹⁰⁰. **Lưu-Cao**

422. – Tưởng rằng không có việc, tất là có việc ; sợ rằng có việc, tất là không có việc. **Nhân sinh tất độc thư**

423. – Việc không yên tâm chẳng nên làm, việc trái nhẽ phải chẳng nên làm, việc gây oan nghiệt chẳng nên làm, việc hại người ta chẳng nên làm. **Nhân sinh tất độc thư**

424. – Người khôn chẳng đánh nhau với thiên mệnh ¹⁰¹, chẳng đánh nhau với công lý ¹⁰². **Trần-Kế-Nho**

425. – Việc sắp sẩy ra mà ngăn được, việc đương sẩy ra mà cứu được, việc đã hỏng mà vớt lại được, thế là có quyền biến, là có tài năng. Chưa có việc mà biết có việc sắp đến, mới có việc mà biết việc sau thế nào, định việc mà biết việc sẩy ra thế này, thế khác, thế gọi là lo xa, là có kiến thức. **Lã-Khôn**

426. – Tâm chí chưa phải cay đắng, hoạn nạn chưa từng trải qua, thời trí khôn chậm và đảm lược ¹⁰³ non. **Hồ-Lâm-Dực**

427. – Khổ bụng ¹⁰⁴ thì thế nào giới cũng thương ; nặng tay ¹⁰⁵ thì nên nghĩ người khó chịu. **Cổ ngữ**

428. – Nên tập quen chịu nực, quen chịu rét, quen chịu khó, quen chịu khổ. **Tăng-Quốc-Phiên**

429. – Người mà tính khí bất thường, thì suốt đời không làm nên được một việc. **Tăng-Quốc-Phiên**

430. – Xưa nay người tầm-thường mà bại hoại, đều vì tính « lười » ; người tài giỏi mà bại hoại ¹⁰⁶, đều vì tính « kiêu ». **Tăng-Quốc-Phiên**

431. – Thiên-hạ thật không có cảnh ngộ nào là dễ xử, nhân gian thật không có thì giờ nào là bỏ đi. **Tăng-Quốc-Phiên**

432. – Bằng lòng yên số phận, cầm cổ làm việc đời. **Tăng-Quốc-Phiên**

433. – Việc xong mới hối mình rằng đại, việc xong mới chê người còn khờ như thế đều là chưa lịch duyệt ¹⁰⁷ lắm cả. **Tăng-Quốc-Phiên**

II. – TRÍ NGU

(Khôn, đại)

434. – Người ngu, việc đã xong, vẫn chưa biết ; người trí, việc chưa hiện, đã rõ rồi. **Chiến-Quốc-Sách**

435. – Người suốt, không đợi nghe nói, cũng đã hiểu ; người sáng, không đợi thấy hình cũng đã rõ. **Hán-thư**

436. – Đã khôn mà lại hay bàn, hay hỏi, hay lo, hay tính, thì việc gì làm chả nên. **Gia-ngữ**

437. – Người ta bỏ hết được cái khôn vặt thì mới khôn to được. **Trang-tử**

438. – Người khéo thường bận, người khôn hay lo. **Trang-tử**

439. – Kẻ biết người là « người khôn » ; kẻ biết mình là « người sang ». **Lão-tử**

440. – Cái gì cũng biết, mà đạo làm người chưa biết, thì chưa gọi được là khôn. **Hoài-nam-tử**

441. – Thường có người thấy đám mây bay sang đằng tây, mà bảo là mặt giăng đi sang đằng đông. **Bão-phác-tử**

442. – Vật gì tuy rất sạch, giữ chẳng cẩn thận thời bẩn, người ta tuy rất khôn, làm chẳng suy nghĩ thời ngu. **Không-động-tử**

443. – Có yên tĩnh mới nảy ra tinh thần, có tinh thần mới nảy ra trí lực. **Hồ-Lâm-Dực**

444. – Dem trí thuật xử với đời, có biết đâu đời không ai ngu cả. **Hồ-Lâm-Dực**

445. – Ngu độn thì người ta chê cười, thông minh thì người ta ngờ ghét ; thông minh mà như ngu mới thật là khôn kín. **Lã-Khôn**

III. – DỮNG LỰC

(Sức mạnh hùng dũng)

446. – Thấy điều phải mà không làm, thì thật là liệt nhược¹⁰⁸. **Luận-ngữ**

447. – Người quyền thế chỉ biết hùng dũng mà không biết nghĩa thì làm loạn ; người thường dân chỉ biết hùng dũng mà không biết nghĩa thì trộm cướp. **Luận-ngữ**

448. – Cảm khái mà tự sát¹⁰⁹, thì không phải là cam đảm. **Hán-thư**

449. – Không vào hang cọp, không bắt được cọp con. **Hậu-hán-thư**

450. – Ông tướng đánh trận thua, không thể nói truyện hùng dũng được. **Quảng-vũ-quân**

451. – Hùng dũng mà lại gặp người hùng dũng thì hùng dũng không đủ cậy ; khôn ngoan mà lại gặp người khôn ngoan thì khôn ngoan không đủ cậy. (*Ý nói thành thật là hơn cả*). **Tô-Triệt**

IV. – CÔNG, TƯ

(Công bình, thiên tư)

452. – Giời không che riêng, đất không chở riêng, mặt giời mặt giếng không soi sáng riêng. **Gia-ngữ**

453. – Không thể lấy nặng nhẹ đối được người có cân, không thể lấy dài ngắn đối được người có thước. **Quản-Tử**

454. – Tâm ta như cán cân, không thể vì người mà đui, mà tươi được. **Gia-cát-lượng**

455. – Tâm địa bình tĩnh tự nhiên khoan khoái công minh. **Trình-Hiệu**

456. – Việc của thiên-hạ, nên đem cái tâm của thiên-hạ mà khu xử ; chớ nên khu xử bằng cái khôn ngoan vụn vặt, trí tuệ nhỏ-nhen. **Tả-Tôn-Đường**

V. – TRI TÚC

(Bằng lòng số phận)

457. – Mặt giời đứng bóng thì xế, mặt giăng đã tròn thì khuyết, vật gì thịnh lắm thì suy. **Thái-Thạch**

458. – Người tri túc ¹¹⁰ không vì lợi mà làm lụy thân ¹¹¹. **Trang-Tử**

459. – Người trí túc là người giàu. **Lão-Tử**

460. – Thích lắm tất tiêu to, chứa nhiều tất mất nhón, biết đủ thời chẳng nhục, biết thôi thời chẳng nguy. **Lão-Tử**

461. – Người tri túc không bao giờ nhục. **Lão-Tử**

462. – Dưa ngọt thì cuống đắng ; trong thiên hạ không có vật gì là đẹp toàn. **Mặc-Tử**

463. – Biết đủ thường được vui sướng, hay nhẫn tự khắc yên ổn. **Khuyến giới toàn thư**

464. – Người tri túc thì nghèo hèn cũng vui sướng, người không tri túc thì giàu sang cũng lo buồn. **Lã-Bang-Hiến**

465. – Người tri túc, giời không bắt nghèo được người vô cầu ¹¹² giời không bắt hèn được. **Ngụy-Hy**

466. – Phàm việc đã tốt mà còn muốn cho tốt quá, nhiều khi hay hỏng. **Tả-Tôn-Đường**

VI. – GIỚI-THAM

(Giãn dừng tham)

467. – Đói rét đến thân, quên cả liêm sỉ. **Triều-Thố**

468. – Người hiền mà nhiều của thì kém mất chí hay, người ngu mà nhiều của thì thêm nhiều tội lỗi. **Sơ-Quảng**

469. – Ba ba, thường luông, cho vực còn nông, làm tổ dưới đáy, chim cắt, diều-hâu, cho núi còn thấp, làm tổ trên đỉnh, thế mà khi chết, cũng chỉ vì một mối. **Tuân-Tử**

470. – Không có đức mà nhiều của là cái mầm tai vạ. **Tiền-phu**

471. – Dưới cái mồi thơm, tất có cá chết. **Tam Lược**

472. – Kẻ hiếu thắng ¹¹³ tất phải tranh, kẻ tham vinh ¹¹⁴ tất phải nhục. **Khuyến giới toàn thư**

473. – Lòng dục không trừ, thì như con thiêu-thân đâm vào lửa, cháy mạng mới thôi ; lòng tham không bỏ, thì như con đười-ươi thích uống rượu đổ máu mới thôi. **Khuyến giới toàn thư**

474. – Người có bao nhiêu của cũng không vừa, thì tham lam đê tiện không biết thế nào mà kể. **Vương-An-Thạch**

VII. – XỬ THẾ

(Cư xử ở đời)

475. – Có của cải mà để không kín-đáo, là gọi cho người ta ăn trộm. Có nhan sắc mà tính hay vuốt-ve, là gọi cho người ta gheo bõn. **Dịch-kinh**

476. – Giời làm ác nghiệt, thì còn có thể tránh được ; tự mình gây nên ác nghiệt, thì mình làm mình chịu, còn tránh làm sao được. **Thư-kinh**

477. – Không ghen ghét ai, không cầu cạnh ai, thì làm việc gì mà chẳng lành, chẳng tốt. **Thi-kinh**

478. – Đã sáng lại khôn, mới giữ được thân. **Thi-kinh**

479. – Kẻ nói thì nhân đức mà kì thực không có gì, thường gặp phải những sự oán hận, tai vạ. **Lễ-ký**

480. – Có biết vâng lời, vậy sau mới biết sai khiến. **Lễ-ký**

481. – Người ta không biết mình mà mình không giận, thế chả là quân-tử ư. **Luận-ngữ**

482. – Chẳng lo người ta không biết mình, chỉ lo mình không biết phân biệt người hay, người dở. **Luận-ngữ**

483. – Đối với người già thì kính mến, đối với bè-bạn thì tin thật, đối với người trẻ thì thương yêu. **Luận-ngữ**

484. – Chẳng giận điều nọ xọ sang điều kia, chẳng lỗi lần này lại phạm lần nữa. **Luận-ngữ**

485. – Người không lo xa, tất nhiên có ưu hoạn ¹¹⁵ gần. **Luận-ngữ**

486. – Tự trách mình nhiều mà trách người ít, thì không ai oán giận. **Luận-ngữ**

487. – Người quân tử hợp quần ¹¹⁶ mà chẳng kết đảng ¹¹⁷. **Luận-ngữ**

488. – Trọng người giỏi mà dong người thường ; khen người hay mà thương người dở. **Luận-ngữ**

489. – Yêu người, người thường yêu lại ; kính người, người thường kính lại. **Mạnh-Tử**

490. – Việc gì thiên-hạ đang tức giận, thì chớ giây đến. **Tả truyện**
491. – Muốn cho người ta yêu mình, trước hết phải yêu người đã. Muốn cho người ta theo mình, trước hết phải theo người đã. **Quốc-ngữ**
492. – Phong tục xô đẩy, người khôn cũng khó tránh. **Dương-Vận-truyện**
493. – Kẻ tự cho mình là giỏi thì tai không được nghe nhời khôn nhẽ phải nữa. **Gia-ngữ**
494. – Sự ưu-hoạn là bạn cùng ở suốt đời với người ta. **Trang-tử**
495. – Tự mình không biết mình là một điều hại nhớn. **Lã thị-xuân-thu**
496. – Đối với người có tài đức to, thì đừng chê-bai những nét nhỏ mọn. Đối với người có danh dự nhớn, thì đừng chỉ trích những lỗi cùn-con. **Hoài-Nam-tử**
497. – Dùng « nhân »¹¹⁸ để trị người, dùng « nghĩa »¹¹⁹ để trị ta. **Đông-Trọng-Thư**
498. – Ăn ở hay mà gặp dở thì gọi là số ; ăn ở dở mà gặp hay thì gọi là may. **Trung-luận**
499. – Biết phòng xa thì cai quản người, không biết phòng xa thì người cai quản. **Diêm thiết luận**
500. – Cùng ở với nhau lúc ưu-hoạn thì dễ, cùng ở với nhau lúc có quyền lợi thì khó. **Lã-Đông-Lai**
501. – Gia đình như sẩy ra việc không hay, nên xử một cách thung dung, chớ có khích liệt¹²⁰. Bầu bạn như ở có điều không phải, nên can một cách thiết thiết¹²¹, chớ có ưu du¹²². **Thiệu-Khang-Tiết**

502. – Chỉ có chút lòng nại phiền¹²³ thì việc gì cũng làm được, người nào cũng xử được. **Nhân sinh tất độc thư**

503. – Người ta thường thường tiết cái đã qua về trước, mong cái sắp đến sau này, mà xao nhãng hững hờ cái hiện đang có. **Tôn-Trưng-quân**

504. – Người ta giữ được sáu chữ « Thiên lý¹²⁴, Quốc pháp¹²⁵, Nhân tình¹²⁶ » thì suốt đời không có tội lỗi. **Bảo-Huấn**

505. – Người khéo dùng « oai » không giận bậy ; người khéo dùng « ơn » không cho bậy. **Lã-khôn**

506. – Người ta mà nóng-nảy, nông-nổi, hẹp-hòi, thì xử việc, việc hay hỏng, tiếp người, người hay giận, mà chính mình cũng phải thiệt-thòi. **Lã-khôn**

507. – Quân-tử được nghìn vạn người khen-ngợi, không lấy làm sướng, phải một vài người kiến thức chỉ nghị¹²⁷, thì lấy làm lo. **Tăng-Quốc-Phiên**

VIII. – NHÂN NGHĨA

(Lòng thương, việc phải)

508. – Kẻ bất nhân không xử lâu được cảnh cùng khổ, cùng khổ mãi thì làm liều ; không xử lâu được cảnh yên vui, yên vui mãi thì sinh đặng¹²⁸. **Luận-ngữ**

509. – Làm bất nghĩa mà được giàu sang, giàu sang ấy ta coi như mây nổi. **Luận-ngữ**

510. – Kẻ bất nhân mà ta ghét bỏ quá tộ, thế là khích nó làm càn. **Luận-ngữ**

511. – Người ta nhân thì vinh, bất nhân thì nhục. **Mạnh-Tử**

512. – Người chỉ làm giàu là người bất nhân, người chỉ làm nhân là người không giàu. **Mạnh-Tử**

513. – Người nhân thường rộng yêu cả loài người. **Lễ-ký**

514. – Kẻ đã bất nghĩa mà lại mạnh thế, càng chóng chết lắm. **Tả-truyện**

515. – Nghĩa mà trọng hơn đời người, thì bỏ đời người đi là phải ; đời người mà trọng hơn nghĩa, thì giữ trọn đời người là phải. **Đỗ-Kiều**

516. – Người nhân chẳng chịu khổ thân để cầu lấy hư danh¹²⁹ ; người nghĩa chẳng làm thiệt người để vụ lấy tự-ích¹³⁰. **Tân-tự**

517. – Sự học, trước hết phải phân biệt việc nghĩa với việc lợi. **Trương-Thức**

IX. – KHIÊM CẦN

(Khiêm nhường, cẩn thận)

518. – Lên rằng hay, thế là mất hay ; khoe có công, thế là mất công. **Thư-kinh**

519. – Tính kiêu ngạo chớ để mọc ra ; lòng ham mê chớ để buông rộng ; chí phải cho to, chớ có mãn túc¹³¹ ; vui phải có hạn, chớ có kỳ cùng. **Lễ-ký**

520. – Người quân-tử, bất kỳ làm việc gì, cẩn thận ngay từ lúc bắt đầu. **Lễ-ký**

521. – Vì tức giận một lúc, mà quên cả thân, quên cả cha mẹ, thế là nhầm lắm. **Luận-ngữ**

522. – Chớ khoe điều hay, chớ phô công trạng. **Luận-ngữ**

523. – Vì mình không tranh, cho nên thiên hạ không ai có thể cùng tranh nổi. **Lão-tử**

524. – Cứng quá tất gãy, găng quá tất đứt. **Lục thao tam nghi**

525. – Loài kim cứng quá thì gãy, mảnh da căng quá thì rách. **Thuyết-Uyển**

526. – Cây mình phú quý, học thức mà khinh người, đều là tự mình gây dựng ra tai vạ cả. **Bàng thị gia huấn**

527. – Loại kim vì cứng mà hay gãy, nước vì mềm mà được toàn. **Bảo-phác-tử**

528. – Cảnh giàu sang giống như nhà trọ, chỉ người cẩn thận mới ở được lâu. **Cáp-Khoan-Nhiêu**

529. – Phàm việc nên nhường công, nên để hay cho người, chớ có khoe tài, khoe đức của mình vào đấy. **Tiết-Kính-Hiên**

530. – « Khí » kiêng nhất là hung-hăng, « tâm » kiêng nhất là hẹp hòi, « tài » kiêng nhất là bộc lộ ¹³². **Lã-khôn**

531. – Tự khiêm thì người ta càng phục, tự khoe thì người ta càng khinh. **Kinh-viên tiểu-ngữ**

X. – CHÍ KHÍ

(Chí tiết, khí khái)

532. – Kẻ học-giả có chí muốn biết những sự cao minh, mà còn xấu hổ mặc không được đẹp, ăn không được ngon, thì chưa đáng cùng nói chuyện cao minh được. **Luận-ngữ**

533. – Thấy lợi nghĩ đến nghĩa mà không lấy bậy, lâm nạn ¹³³ làm hết sức mà không tiếc thân, một nhời giao ước, tuy lâu ngày mà vẫn nhớ mãi.

Luận-ngữ

534. – Đáng chết thì chết : quyết không cầu thả cầu sống, để cho « tâm » không được yên, thà chỉ nên thí thân đi, để cho « tâm » được yên và « đức » được trọn vẹn. **Luận-ngữ**

535. – Người đã biết nuôi « chí » thì không nghĩ đến « hình » (quí tinh thần hơn quí thân thể). **Trang-tử**

536. – Người nào có chí, làm việc hay nên. **Hậu-Hán-thư**

537. – Nghèo là cảnh thường của học trò ; chết là sự hết của đời người. **Gia-ngữ**

538. – Ai mà thân được nhàn rồi thì chí thường hẹp-hòi. **Gia-ngữ**

539. –Đói xác be hơn no lè-tè bọ hung. **Bão-phác-tử**

540. – Người đi học chẳng lo không có tài, chỉ lo không có chí. **Diêm-thiết-luận**

541. – Người quân-tử, trọng được, khinh được, làm tội được, giết chết được, nhưng không thể bắt làm xằng được. **Diêm-thiết-luận**

542. – Người quân-tử không buồn tuổi sắp già, chỉ lo chí trẻ-nải. **Trung-luận**

543. – Người đời đục cả, ta một mình trong ; người đời say cả, ta một mình tỉnh. **Khuất-Bình**

544. – Liêm sỉ là việc lớn, tử sinh là việc nhỏ. **Diệp-Mộng-Đắc**

545. – Không gì nghèo bằng không có tài, không gì hèn bằng không có chí. **Uông-Cách**

546. – Học trò trong nước mà không có khí tiết, thì thể nước thoi-thóp như người sắp chết. **Tiết-Huyền**

547. – Người ta thứ nhất phải « có chí »¹³⁴, thứ nhì phải « có thức »¹³⁵ thứ ba phải « có thường »¹³⁶. **Tăng-quốc-Phiên**

548. – Phải trái không rõ-ràng, tiết nghĩa không giảng xét, thiên-hạ sữ dĩ loạn là tại thế. **Hồ-Lâm-Dực**

XI. – KHOAN THỨ

(Rộng-rãi bao dung)

549. – Việc gì người ta làm cho ta mà ta không thích, ta cũng chớ làm việc ấy cho người ta. **Lễ-ký Trung-dung**

550. – Những điều mình không muốn, thì chớ làm cho người. **Luận-ngữ**

551. – Một nhời nên làm luôn là « Thứ »¹³⁷; một việc nên có luôn là « Chính »¹³⁸. **Thân-giám**

552. – Người quân-tử không trách việc người ta không nghĩ tới, không ép việc người ta không làm được, không bách việc người ta không sở thích. **Văn-trung-tử**

553. – Chim không thể chạy, ngựa không thể bay, can gì chê nhau những điều không thể hay. **Nguyện Điền**

554. – Đừng oán ta không bằng ai, người không bằng ta vô số; đừng khoe ta giỏi hơn ai, người giỏi hơn ta cũng nhiều. **Khuyến giới toàn thư**

555. – Đem lòng trách người mà trách mình, thì ít lỗi; đem lòng dong mình mà dong người, thì ít oán. **Lâm-Bô**

556. – Trông thấy những việc cực ác ¹³⁹ thế-gian, thì còn sự nhầm, sự lỗi gì, mà chả dong thứ ; nghĩ đến những kẻ cực oan ¹⁴⁰ xưa nay, thì còn câu mỉa, câu chê gì là đáng so kể. **Lưu-cao**

557. – Trách người ta đến nỗi người ta ngậm miệng, nín tiếng, đỏ mặt, toát mồ hôi, mình tuy hả lòng, song thế thật là con người nông-nổi khe-khắt quá. **Lã-Khôn**

558. – Không trách gì người là cách cần nhất để biết sửa lấy thân ; hay thế ¹⁴¹ cho người ta là cách cần nhất để tập cho có lượng. **Lã-khôn**

559. – Việc đời có việc mình không thích mà người thích, có việc người thích mà mình không thích. **Lã-khôn**

560. – Chớ đem điều mình giỏi, mà bắt người cũng như thế ; chớ đem điều mình hay, mà khinh người không được thế. **Triệu-Khiêm**

561. – Thiện không gì quý bằng « khoan dung » ; ác không gì dở bằng « ghen ghét ». **Tăng Quốc-Phiên**

XII. – THIỆN, ÁC

(Lành, dữ)

562. – Thiện không làm nhiều, không đủ nổi tiếng ; ác không tích nhiều, không đủ hại thân. **Dịch hệ-từ**

563. – Người thiện làm điều lành, suốt ngày như chưa đủ ; người ác làm điều dữ, cũng suốt ngày như chưa đủ. **Thư-kinh**

564. – Giòng « đức » chăm cho nhớn, trừ « ác » bỏ cho sạch. **Thư-kinh**

565. – Người tốt mà giàu, thế là giới thưởng ; người xấu mà giàu, thế là giới phạt. **Tả truyện**

566. – Thiện thì thiện theo, ác thì ác theo, cũng như bóng theo hình, vang theo tiếng. **Đổng-Trọng-Thư**

567. – Chớ bảo điều thiện này nhỏ mà chẳng làm, chớ bảo điều ác kia nhỏ mà cứ làm. **Thục Tiên-chúa**

568. – Công chẳng gì giỏi bằng bỏ ác mà làm thiện, tội chẳng gì to bằng bỏ thiện mà làm ác. **Tân-thư**

569. – Biết hay mà không tin, gọi là đại ; biết dở mà không chữa, gọi là mê. **Dục-tử**

570. – Bụng người quân-tử, muốn cho người ta cũng hay như mình ; bụng kẻ tiểu-nhân, muốn cho người ta cũng dở như mình. **Trình-Di**

571. – Ẩn ác, dương thiện là bực thánh ; thích thiện ghét ác là bực hiền ; tánh bạch thiện, ác quá đáng là hạng người tầm thường ; điên đảo thiện, ác để sượng miệng gièm pha, là hạng tiểu-nhân hiểm ác. **Chu-Trung Trang-công**

572. – Suốt đời làm lành, lành cũng chưa đủ ; một ngày làm ác, ác đã có thừa. **Hà-Viên**

573. – Kẻ trách mình, có thể làm nên điều hay cho người ; kẻ trách người, thật là thêm cái dở cho mình. **Hứa-Hành**

574. – Nghe thấy người ta hay thì ngờ, nghe thấy người ta dở thì tin, thế là bụng đầy những gờm giáo. **Trân-kế Nho**

XIII. – HIẾU, Ỗ

(Yêu, ghét)

575. – Yêu ai, nhưng cũng nên biết điều dở của người ấy ; ghét ai, nhưng cũng phải biết điều hay cho người ấy. **Lễ-ký**

576. – Khi yêu thì muốn cho sống, khi ghét lại muốn cho chết ; mình không có quyền làm được sống, chết, mà lúc thì muốn cho sống, lúc lại muốn cho chết, như thế thật là mê hoặc lắm thay. **Luận-ngữ**

577. – Có kẻ nhiều người ghét, song hoặc là kẻ có tính khác thường ¹⁴² chẳng, ta hẳn phải xét xem, thật đáng ghét vậy sau mới ghét. Có kẻ nhiều người yêu, song hoặc là kẻ có tính nịnh đời ¹⁴³ chẳng, ta hẳn phải xét xem thật đáng yêu, vậy sau mới yêu. **Luận-ngữ**

578. – Người mê thích điều lành, phúc tuy chưa đến song họa đã xa ; người mà không thích điều lành, họa tuy chưa đến, song phúc đã xa. **Trung-luận**

579. – Người mà nhiều người ghét, thì nguy lắm. **Tuân-tử**

580. – Việc được, thì gièm-pha nổi lên ; đức cao, thì chê-bai kéo đến. **Hàn-Dũ**

581. – Yêu người mà yêu vô lý, thành ra làm hại cho người ; ghét người mà ghét vô lý, thành ra làm hại cho thân. **Ngụy-Tế-Thụy**

582. – Người quân-tử, ta nên thân, song không nên quá chiều mà phụ họa ; kẻ tiểu-nhân, ta nên tránh, song không nên ruồng-rẫy như hẳn thù. **Thân-Hàm-Quang**

XIV. – THỦ-DỮ

(Lấy, cho)

583. – Người quân-tử cứu kẻ khốn khó, chẳng làm giàu thêm cho kẻ đã giàu. **Luận-ngữ**

584. – Người ta ai cũng biết có « lấy » mới gọi là « lấy », nhưng không biết có cách « cho » mà cũng gọi là (lấy). **Hàn-Đàm truyện**

585. – Giàu có mà biết trần cấp cho kẻ khốn cùng mới là quý, nếu không, thì chỉ là một đũa canh tiền. **Mã-Viện**

586. – Kẻ chịu ơn, thường sợ người ; kẻ làm ơn, thường kiêu người. **Giangữ**

587. – Không đáng cho mà cho, thì không phải là ơn. **Diêm-thiết-luận**

588. – Bo-bo giữ của không biết bố thí, thì thật là đầy-tớ đồng tiền. **Đường-tử**

589. – Làm ơn cho ai, thì chớ kể ; chịu ơn của ai, thì chớ quên. **Viên thị thế-phạm**

XV. - GIAO TẾ

(Cách giao tiếp với mọi người)

590. – Lễ, quý có đi, có lại với nhau. **Lễ-ký**

591. – Cùng bè bạn chơi, nói phải có « tín » ¹⁴⁴. **Luận-ngữ**

592. – Làm bạn với người thẳng, người thật, người giỏi thì có ích ; làm bạn với người gian, người nịnh, người lém thì có hại. **Luận-ngữ**

593. – Không biết phân biệt câu nói hay, dở, thì không thể nào biết kẻ tà, người chính được. **Luận-ngữ**

594. – Chơi với người hay như vào nhà hoa, lâu không ngửi thấy thơm, thế là hóa hay, Chơi với kẻ dở, như vào hàng cá, lâu không ngửi thấy tanh, thế là hóa dở. **Lễ-ký**

595. - Giàu sang mà nhũn-nhặn thì ai chả quý, giàu sang mà âu yếm thì ai chả thân. **Gia-ngữ**

596. – Lễ nhiều ; nói ngọt là mồi giữ ta. **Tả khưu-Minh**

597. – Quen biết sơ-sài mà truyện nói thân thiết, thế là người ngu. **Thôi-nhân**

598. – Xem chơi với ai, đủ biết con người hay, dở. **Quân-tử**

599. – Người chê ta mà chê phải là thầy ta, người khen ta mà khen phải là bạn ta, người nịnh hót ta là kẻ hại ta. **Tuân-Tử**

600. – Ở phải chọn láng-diềng, chơi phải chọn bạn. **Tuân-Tử**

601. – Kẻ lấy thần-thế chơi với nhau, thần thế đổ là hết bạn ; kẻ lấy của-cải chơi với nhau, của-cải tan là mất bạn. **Văn-trung-tử**

602. – Quân-tử khi lấy gì, thì xem người cho, đáng lấy mới lấy ; khi cho gì, thì ai cũng cho, không cần phải chọn. **Thuyết-Uyển**

603. – Người quân-tử mời được, nhưng không dụ được ; bỏ được, nhưng không khinh được. **Văn-trung-tử**

604. – Chơi với người trên, chớ nịnh ; chơi với người dưới, chớ kiêu. **Dương-tử**

605. – Người ta đi xa, qua sông không khó, trèo non không khó, chỉ khó tại nơi nhân-tình giáo-dở, hiểm hơn non sông. **Bạch-Cư-Dị**

606. – Kẻ ta nói chọc tức mà không giận, phi là người có đại-lượng¹⁴⁵ tất là kẻ có thâm cơ¹⁴⁶. **Lưu-Phân**

607. – Người nào không hay chịu nghe nhời, thì một câu, ta cũng không nên nói với. **Hoàng-đình-Kiên**

608. – Thích điều hay thì bạn hay đến, thích điều dở thì bạn dở đến. **Trình-Hiệu**

609. – Người ta chưa biết bụng mình, chẳng nên vội cần cho người ta biết ; người ta chưa hợp ý mình, chẳng nên vội cầu cho người ta hợp. **Tiết-Huyền**

610. – Người ta bất đắc dĩ phải ở với kẻ vô nghĩa¹⁴⁷ thì ngoài phải hòa nhã, trong phải bình tâm, ngô-hầu mới khỏi tai vạ. **Nguyễn-thế-tập**

611. – Không hứa bậy, cho nên mình không phụ ai ; không tin bậy, cho nên không ai phụ mình. **Ngô-hoài-Dã**

612. – Kẻ hay nói xấu người, thật là khinh-bạc ; kẻ gặp ai cũng khen ngợi, thì cũng chưa phải là người hay. **Trần-Cơ-Đình**

613. – Đối người phú-quý, có lẽ độ không khó, có thể thống mới khó ; đối người bần tiện, có ơn huệ không khó, có lẽ độ mới khó. **Lưu-Cao**

614. – Kẻ không phục ai, cùng kẻ thấy ai cũng phục, đều là ngu-si, càn-dở cả. **Kinh-viên-tiểu-ngữ**

615. – Câu khen quá đáng của người bạn, lại hại hơn câu chê quá đáng của kẻ cừu-thù. **Ly-mã-Bảo**

616. – Lên gò núi khó, cầu cạnh người ta lại khó hơn ; hoàng-liên đắng, nghèo khổ lại đắng hơn ; giá mùa xuân bạc (mỏng), tình người lại bạc hơn ; núi sông hiểm, lòng người lại hiểm hơn. Biết được khó, chịu được khổ, quen được bạc, dò được hiểm, thì mới khả dĩ ở đời. **Tiền-Hạc-Thần**

617. – Lòng nghĩ làm hại người, chẳng nên có ; lòng nghĩ để phòng người chẳng nên không. **Tôn-Miện**

618. – Quân-tử đối với người, dạy dỗ không nghe, vậy sau mới trách ; thế tất ¹⁴⁸ không được vậy sau mới giận. **Lã-Khôn**

619. – Đối với người lo, chớ vui ; đối với người khóc, chớ cười ; đối với người thất ý ¹⁴⁹ chớ khoe. **Lã-Khôn**

620. – Hai bên cùng hối, thì không sự căm giận gì là không tan ; hai bên cùng ưa, thì không sự giao du gì là không hợp ; bai bên cùng giận, thì không sự tai vạ gì là không gây nên. **Lã-Khôn**

621. – Muốn làm người tốt, phải tìm bạn tốt. **Cổ-ngữ**

622. – Kẻ nào theo ý ta mà nói là kẻ tiểu-nhân, ta nên xa tránh. **Thân-hàm-Quang**

XVI. - BẦN, PHÚ

(Nghèo, giàu)

623. – Nghèo chẳng nên nói dối, giàu chẳng nên cậy mình. **Thái-Công**

624. – Kẻ tiểu-nhân nghèo thì bủn-xỉn, giàu thì kiêu căng. **Lễ ký**

625. – Người mà tính hung-hăng, lại ghét nghèo khổ thì tất làm xằng. **Luận-ngữ**

626. – Nghèo mà không nịnh, giàu mà không kiêu. **Luận-ngữ**

627. – Nghèo mà không oán mới khó, giàu mà không kiêu còn dễ. **Luận-ngữ**

628. – Người giàu có mà không khôn ngoan, thì cũng như bù-nhìn mặc áo gấm. **Triệu-Vũ**

629. – Ai sinh ra mà giàu ngay thì hay kiêu ¹⁵⁰, ai sinh ra mà sang ngay thì hay ngạo ¹⁵¹. **Hậu-Hán-thư**

630. – Có cái rất giàu mà không phải là vàng bạc, có cái sống rất lâu mà không phải là thọ nghìn năm. **Hoài-Nam-tử**

631. – Rất sang không đợi phải có chức tước, rất giàu không đợi phải có tiền tài. **Hoài-Nam-tử**

632. – Chăm cho có vốn to mà tiêu dùng chùng mực, thì giờ cũng không bắt nghèo được. **Tuân-Tử**

633. – Nhà có cửa-cải hàng nghìn, hàng vạn mà không biết cách làm ăn, thì cũng như nghèo vậy. **Hàn thi ngoại truyện**

634. – Giàu phải nghĩ đến lúc nghèo, trẻ phải nghĩ đến lúc già. **Thuyết-Uyển**

635. – Ta được giàu sang, chớ để người cười là phường béo ăn ¹⁵²; ta phải nghèo hèn, chớ để người chê là đồ vô chí ¹⁵³. **Lục sinh**

636. – Không lấy bậy của ai, gọi là giàu; không bị nhục với ai, gọi là sang. **Công-Nghi**

637. – Luồn cúi để giàu sang, chẳng bằng nghèo hèn mà khí khái. **Khổng-Tông-tử**

638. – Giời cho ta giàu sang sung-sướng, là chiều chuộng ta để cho ta dễ làm lành; giời bắt ta nghèo khổ lo buồn, là mài giũa ta để cho ta kiên gan, bền chí. **Trương-Hoành-Cử**

639. – Bần tiện sinh ra cần kiệm, cần kiệm sinh ra phú quý, phú quý sinh ra kiêu sa, kiêu sa sinh ra dâm-dật, dâm-dật lại sinh ra bần tiện. **Sử điển nguyên thế tập**

640. – Nghèo không là xấu, nghèo mà không có chí mới là xấu ; hèn không đáng ghét, hèn mà không có nghề mới đáng ghét. **Lã-Khôn**

XVII. - ÂN, OÁN

(Ân huệ, thù oán)

641. – Chỉ chuyên tâm làm lợi riêng cho mình, thì nhiều người oán. **Luận-ngữ**

642. – Chẳng oán giới, chẳng trách người. **Luận-ngữ**

643. – Dùng ân đức để báo oán. **Lão-tử**

644. – Dùng cách ngay thẳng để báo oán, dùng lòng ân đức để báo ơn. **Luận-ngữ**

645. – An ở đến hàng nghìn người chỉ mặt, thì không bệnh cũng phải chết. **Hán-thư**

646. – Miệng nói ân-huệ, mà thật không có gì, thì chỉ tổ cho người ta oán. **Quản-tử**

647. – Làm những việc to, chẳng nên nề-hà những oán nhỏ. **Hán-quang-Vũ**

648. – Người ta soi gương, thấy mặt bẩn, thì lau rửa ngay và khen gương tốt. Sao khi có tội lỗi, gặp được ai chỉ trích, thì lại ghét mà không ơn. **Hoài-Nam-tử**

649. - Cửa chứa nhiều, mà không biết dùng, thì thật là « kho oán ». **Thuyết-Uyển**

650. – Kẻ biết phận mình, chẳng oán giới ; kẻ biết thân mình, chẳng trách người. **Thuyết-Uyển**

XVIII. – LỢI, HẠI

(Lời, thiệt)

651. - Lợi làm cho trí khôn tối tăm. **Sử-ký**
652. - Trước hết tránh hại, sau mới hãy cầu lợi. **Hậu-hán-thư**
653. - Chỉ vì lợi mà sinh bao nhiêu hoạn nạn. **Tiêu-Doãn**
654. - Có quả quyết mới trừ được cái « hại ». **Chu-Thư**
655. - Thiên-hạ đều vì lợi mà xô đẩy nhau đi, thiên-hạ đều vì lợi mà đua chen nhau lại. **Lục thao dật văn**
656. - Tâm chẳng được điều « nghĩa » thì chẳng vui, thân chẳng được chút « lợi » thì chẳng yên. **Phồn-Lộ**
657. - Ai cũng biết lợi mới là lợi, mà chẳng biết không hại cũng là lợi ; ai cũng biết hại mới là hại, mà chẳng biết có lợi cũng là hại. **Khuyến giới toàn thư**
658. - Làm được một điều lợi, không bằng trừ được một điều hại. **Gia-luật Sở-Tài**
659. - Lấy lợi chung của nước làm lợi riêng của mình, thì gọi là kẻ làm tàn hại nước. **Hoàng-lê-Châu**
660. - Thấy lợi xông vào, thấy hại lùi lại, hay vợ vào mình, dở đùn cho người, đó là thói thường kẻ tiểu-nhân vậy. **Lã-Khôn**
661. - Người ta hay có tội lỗi to, là chỉ tại « tự-tư, tự-lợi » ¹⁵⁴. **Lã-Khôn**

XIX. – HỌA, PHÚC

(Họa rủi, phúc may)

662. - Nhà làm nhiều điều lành, tất có phúc thừa ; nhà làm những điều chẳng lành, tất có vạ thừa. **Dịch-kinh**

663. - Người ta thường sống về lo nghĩ, hoạn nạn ¹⁵⁵ mà chết về yên nhàn, vui sướng ¹⁵⁶. **Mạnh-Tử**

664. - Ở đời có cái may không tưởng được mà được, cũng có cái dở không ngờ đến mà đến. **Chiến-quốc-sách**

665. - Không có đức mà phúc nhiều, thì cũng như không có nền, mà tường cao, chẳng bao lâu thế nào cũng đổ. **Phạm-văn-tử**

666. - Ai có đức thì thịnh vượng, ai cậy sức thì nguy vong. **Triệu-Lương**

667. - Ai làm lành thì giới cho phúc, ai làm ác thì giới bắt tội. **Gia-ngữ**

668. - Còn hay mất, phúc hay họa, do ở mình cả ; tai giới, gỡ đất thì có can gì. **Tập-ngữ**

669. - Nhiều người yêu thành ra phúc ; nhiều người ghét thành ra họa. **Hoài-Nam-tử**

670. - Chỉ ai không cầu lợi mới không hại, chỉ ai không cầu phúc mới không họa. **Hoài-Nam-tử**

671. - Giàu sang mà tài đức không xứng, thì tai vạ mới to. **Vương-Phù**

672. - Cửa ngon nát ruột, sắc đẹp mê lòng, người hung-hăng hay phải vạ, miệng biện bác hay chiêu tai ¹⁵⁷. **Diêm-thiết-luận**

673. - Thấy tai vạ mà hay làm lành, thời tai vạ không đến nữa. **Thuyết-Uyển**

674. - Ai có phúc lạ thường, tất nhiên có họa lạ thường. **Liệt nữ truyện**
675. - Phúc đến thì bụng khôn ngoan, họa lại thì thần mê muội. **Sử chiếu thông giám**
676. - Sức mạnh không thể làm được phúc, trí khôn không thể tránh được vạ. **Kê-Khang**
677. - Thường khi giây phút không nhãn, mà sinh ra tai vạ rất to. **Vương-An-Thạch**
678. - Làm lành mà mong giới báo thì không được phúc ; làm ơn mà chực người báo thì không có đức. **Dã-Thạch-Qui**
679. - Việc làm tại người, mà thành được việc thì tại giới ; phúc giáng tự trời, mà ở được phúc thì tự người. **Lưu-Cao**
680. - Cho quỷ thần là « chưa chắc đã biết » thì chẳng nên cầu phúc ; cho quỷ thần là « quyết nhiên có biết » thì chớ nên làm xằng. **Lưu-Cao**
681. - Kẻ có tiếng hảo, kẻ hay ác ngầm, kẻ sẵn lòng ghen ghét, thì thường hay gặp tai vạ bất ngờ. **Tăng-quốc-Phiên**

XX. – TẾ NGỘ

(Gặp gỡ duyên may)

682. - Hùm thiêng ở núi, oai-vệ vô cùng, đến lúc sa cơ, cũng hèn, cũng nhục. **Tư-mã-Thiên**
683. - Nhẹ nhàng như chim hồng bay gặp cơn gió xuôi, vùn vẫy như con cá to ra làn nước nhờn. **Vương-Bao**
684. - Rỗng mà thất thế, thì cũng như giun. **Ngỗ-Ngao**

685. - Cỏ bồng gặp gió, mà đi được nghìn dặm, là thừa cái thể gió (*Nhân cơ hội mà làm thì dễ*). **Thương-tử**

XXI. – ĐẠT SINH

(**Biết thấu việc đời và đời người**)

686. - Trong họa, phúc thường mọc sẵn ; trong phúc, họa thường nấp sẵn.
Lão-Tử

687. - Người ta đều biết sống là vui, chưa biết sống là khổ ; đều biết già là mệt, chưa biết già là nhàn ; đều biết chết là xấu, chưa biết chết là được yên.
Liệt-tử

688. - Người sinh ở đời, nếu trong lòng không tự-đắc ¹⁵⁸ thì đi đến đâu mà chả khổ ; nếu trong lòng thản-nhiên ¹⁵⁹ thì đi đến đâu mà chả sướng. **Mã-Tồn**

689. - Chớ đem vọng-tưởng ¹⁶⁰ mà hại chân tâm ¹⁶¹ ; chớ đem khách khí ¹⁶² làm hại nguyên-khí ¹⁶³. **Hồ-An-Quốc**

690. - Nhàn tản lắm chẳng phải là chân lạc ¹⁶⁴. **Chu-Hi**

691. - Bực đại-nhân cho cả thiên-hạ làm một thân : nếu nào ta, nào người, tách bạch quá đáng, thì tâm mình đã chênh-lệch rồi, còn bình thiên-hạ sao được ; cho nên muốn tu thân, trước phải chính-tâm ¹⁶⁵. **Dương-phục-Sở**

692. - Người ta lúc nhắm mắt đi thì để cho sâu bọ tha-hồ đục vào thân xác, thế mà lúc sống, không chịu nhường nhịn nhau một chút, là tại làm sao ?
Cao-phan-Long

693. - Nhờ nói, việc làm so sánh với cổ-nhân thì « đức » tiến ¹⁶⁶ ; công-danh, phú-quí phó mặc cho thiên-mệnh ¹⁶⁷, thì « tâm » nhàn ¹⁶⁸ ; báo ứng ¹⁶⁹

ngĩ đến con cháu, thì không làm xằng ; hưởng-thụ lo đến túng-thiếu, thì tiêu-dùng biết tiết-kiệm. **Trần Cấp Sơn**

694. - Người ta trong tâm trừ bỏ hết những sự lo nghĩ vơ-vẩn, thời thiên lý¹⁷⁰ hiển hiện, khoái hoạt vô cùng. **Lý-tử Dung-cốc**

695. - Ba vạn sáu nghìn ngày là mấy, nếu chẳng để cho thân, cho tâm yên lặng được một lúc, thì cũng đáng thương. **Nhân sinh tất độc thư**

696. - Người ta thường có chút việc chưa được hả lòng, cũng là cái hay ; nếu việc gì cũng đã hả lòng cả, thì thế nào cũng có cái dở to theo sau. **Nhân sinh tất độc thư**

697. - Cái vui tự nhiên mới thật là vui ; nghĩ cho kỹ, trong vũ-trụ¹⁷¹ còn có việc gì nữa. **Trần-Bạch-Sa**

698. - Người ta nghĩ đến lúc chết đi, không còn có một vật gì nữa, thì mưu kia, kế nọ tự nhiên tiêu trừ. **Cao-Phan-Long**

XXII – VẬT LOẠI

(Loài vật)

699. - Hai con hổ tranh mỗi đánh nhau, con nhớn tất đau, con nhỏ tất chết. **Trần-Trần**

700. - Áo cừu tuy rách, không thể dùng da chó mà vá được. **Xuân-thu hậu ngữ**

701. - Chim bị bắn sảy, thường sợ cây cung. **Phó-Dịch**

702. - Cái bóng không vì vật cong mà thẳng được, cái vang không vì tiếng xấu mà tốt được. **Quản-tử**

703. - Cây thẳng dẫn trước, giếng ngọt cạn trước. **Trang-tử**

704. - Đá đập được, mà không thể làm mất được chất rắn ; son mài được, mà không thể làm mất được sắc đỏ. **Lã-thị xuân-thu**

705. - Ngựa giống như hươu, thì giá nghìn vàng ; hươu thật thì không bao giờ được giá ấy. **Hoài-Nam-tử**

706. - Cá, gài chán vực sâu mà ra chỗ nông, cho nên mắc phải chài lưới ; chim, muông chán rừng rậm mà xuống đồng bằng, cho nên bị phải cạm bẫy. *(Người ta không biết yên phận thì thường khổ)*. **Hàn thi ngoại-truyện**

707. - Gấm vóc mà xé rách từng mảnh, không bằng vải thường mà còn nguyên. **Bảo-phác-tử**

708. - Những thứ hổ, báo ăn thừa, là thứ chuột bọ tranh nhau chí chết. **Bảo-phác-tử**

709. - Ngọc mà hóa ra đá, châu mà hóa ra sỏi, là tại nhờ gièm-pha cả *(Những nhờ gièm-pha làm cho hay quá dở)*. **Luận-hành**

CHƯƠNG THỨ TƯ

I. – TẬP NGŨ

(Câu vật)

710. - Không phải thần đáng tế mà tế, là siểm nịnh. **Luận-ngữ**

711. - Ba lần gãy tay mới hay thuốc. **Tả-truyện**

712. - Tóc ngắn tấm lòng dài. **Tả-truyện**

713. - Người đàn-bà góa không nghĩ việc dệt vải mà lo nhà nước nguy vong (*quên việc mình, lo việc nước*). **Tả-truyện**

714. - Chó anh Chích ¹⁷² cắn vua Nghiêu ¹⁷³, không phải tại vua Nghiêu bất nhân, tại vua Nghiêu không phải là chủ nó. **Khoái-Triệt**

715. - Không phải thổ-nghi, giống cũng không mọc ; không phải ý muốn, dạy cũng không thành ? **Sử-ký**

716. - Người sinh ở đời như bóng ngựa câu qua cửa sổ. **Trương-Lương**

717. - Vì nước quên nhà, vì công quên tư. **Giả-Nghị**

718. - Muốn cho nước sôi nguội dần, một người đun, trăm người khuấy, vẫn vô ích ; sao bằng rút củi ra và tắt lửa đi. **Mai-Thặng**

719. - Thiên-hạ có người sợ bóng mình, ghét vết mình, cắm cổ chạy, vết lại càng nhiều, bóng lại càng nhanh ; chẳng bằng đến chỗ rợp mà nghỉ, thì tự nhiên bóng mất hẳn mà vết tuyệt ngay. (*Sửa mình thì tự khắc những nhời gièm-pha chê bai tịt mất*). **Mai-thặng**

720. - Chẳng hôi thối thì ruồi, nặng đã chẳng hay đến. **Trần-Phôn**
721. - Thợ vẽ ghét vẽ chó, ngựa, thích vẽ ma quỷ, vì sự thực khó hình-dung, mà sự hảo-huyền dễ bày đặt vậy. **Trương-Hành**
722. - Kẻ sĩ nhiều người cậy « tài » mà hỏng mất « nết ». **Phùng-Diển**
723. - Gai góc không phải là nơi phượng-hoàng đậu. **Cừ-Lãm**
724. - Củi cả rừng không thể tiếp được lửa ma-chơi, nước cá sông không đổ đầy được chén thủng. **Vương-Phù**
725. - Bạn nghèo hèn không nên quên, vợ hàn-vi không nên bỏ. **Tống-Hoảng**
726. - Báo chết để da, người ta chết để tiếng. **Vương-ngạn-Trương**
727. - Chim đến lúc cùng thời mổ, muông đến lúc cùng thời cào, người ta đến lúc cùng thời đối-giá. **Nhan-Hồi**
728. - Tính người tầm thường, như nước ở lọ ; lọ vuông nước vuông, lọ tròn nước tròn. **Vương-Hóa-Cơ**
729. - Biết con không ai bằng cha. **Quản-tử**
730. - Cá mất nước thì cá chết, nước mất cá, nước vẫn là nước. **Vượng-Uyển**
731. - Lòng người nham hiểm hơn núi, sông. **Trang-tử**
732. - Kẻ, có mặt người ta, hay nịnh hót, thì khi người ta vắng mặt, cũng hay chê-bai. **Trang-tử**
733. - Vượn, khi mà cho mặc áo đẹp, tất cào, cắn, xé rách, sau mới hả lòng. **Trang-tử**
734. - Lưới giời lồng-lộng thưa mà không sót. **Lão-tử**

735. - Vật trong thiên-hạ chẳng gì mềm nhũn bằng nước, thế mà to vô hạn, sâu vô cùng. **Hoài-nam-tử**

736. - Nguồn trong, giòng nước trong ; nguồn đục, giòng nước đục. **Tuân-tử**

737. - Giời không vì người ghét rét, mà bỏ mùa đông. **Tuân-tử**

738. - Chim hồng, chim hộc, cất cánh bay xa, là nhờ có lông cánh ; lông nhỏ trên lưng, lông tơ dưới bụng, mọc thêm một năm, bay chẳng cao hơn, rụng mất một năm, bay chẳng thấp hơn. **Hàn thi ngoại-truyện**

739. - Một mình trông, chẳng bằng cùng nhiều người trông, sáng hơn ; một mình nghe, chẳng bằng cùng nhiều người nghe, suốt hơn. **Hàn thi ngoại-truyện**

740. - Thân dê mà lột cọp, thấy cỏ thì thích, thấy chó sói thì run, quên mất cả bộ da khoác là lột cọp. **Dương-tử**

741. - Người ta ai cũng có lòng ham muốn, ham muốn thời cầu, cầu thời tranh, tranh thời phải chết. **Tuân-tử**

742. - Con gà ấp mổ con cáo, con chó đẻ gừ con cọp, tuy hăng-hái thật, song cái chết đã theo sau. **Ngô-tử**

743. - Núi nhọn thời không cao, sông hẹp thời không sâu. **Tân-tụ**

744. - Con hổ, con báo chưa đủ lông vằn, đã có chí ăn thịt trâu, dê ; chim hồng, chim hộc chưa đủ lông cánh, đã đập lòng bay xa bốn bể. **Thi-tử**

745. - Lửa bốc lên cao, nước chảy xuống thấp, thế mà lửa bao giờ cũng thua nước. **Văn-trung-tử**

746. - Giận bốc lên nóng hơn lửa ; lưỡi nói ra sắc hơn gươm. **Hoàng-Hiên**

747. - Tay áo dài thì múa khéo, tiền bạc nhiều thì buôn giỏi. **Hàn-phi-tử**

748. - Mặt giời mặt giếng làm sáng-sủa cho thiên-hạ mà không ai ơn ; đất nước núi sông, làm no ấm cho thiên-hạ, mà không ai quý. **Nhâm-tử**

749. - Con cá nó muốn làm khác hẳn loài cá, bỏ nước nhảy lên bờ thì phải chết ; con hổ muốn làm khác hẳn loài hổ, bỏ núi ra đồng bằng thì phải bắt. **Quan-Roãn-tử**

750. - Giời xa mà đáng tin, người gần mà khó biết. **Cổ ngữ**

751. - Người giỏi không thương thân mình chết, mà lo nước nhà suy. **Tô-Tuân**

752. - Phú quý là cạm của giời, bần tiện là trường học của giời, hoạn nạn là roi vọt của giời. **Tạ-Mai-Trang**

753. - Ngày thường chẳng thấp hương, lúc nguy cấp mới ôm chân phật. **Cổ ngôn**

754. - Ngựa hèn hay quanh quẩn ở chuồng. **Cổ ngôn**

755. - Mỡ vì kêu mà chóng thủng, dầu vì sáng mà chóng hao. **Cổ ngôn**

756. - Ban ngày chớ nói truyện người, ban đêm chớ nói truyện ma. **Cổ ngôn**

757. - Cái tay giận-dối không đánh nổi cái mặt tươi cười. **Cổ ngôn**

758. - Đem lửa thử thì biết vàng tốt xấu, đem của thử thì biết người hay, hèn. **Cổ ngôn**

759. - Nhà ở cần có láng-diềng tốt, đi đường xa cần có anh em bạn hay. **Cổ ngôn**

760. – Người ta sợ lửa hơn là sợ nước, thế mà chết cháy ít, chết đuối vẫn nhiều. **Cổ nạn**

761. – Thiên-hạ dù loạn, nhà ta phải giữ cho trị ; nhà ta chẳng may cũng loạn, thân ta, tâm ta phải cố giữ cho trị. **Vô danh.**

HẾT

Bản đính – chánh

SỐ TRANG - IN SAI - XIN SỬA LẠI

Trang 10 câu số 17 - Yêu hành - Yêu hãnh

Trang 17 câu số 53 - Học để..làm để..xấu hổ để... - Học để..làm để..xấu hổ để

Trang 18 câu số 58 - Cho nên không thích nghĩa - Cho nên thích nghĩa

Trang 21 câu số 73 - Tiếng tâm lòng lẫy - Tiếng tâm lòng lẫy

Trang 26 câu số 106 - Thăm hơn - Thăm hơn

Trang 30 câu số 128 - Tính giới tính người - Tính giới, tình người

Trang 34 câu số 154 - Đối giả - Đối giá

Trang 57 câu số 284 - Vậ sao - Vậ sau

Trang 60 câu số 298 - Phải đậy - Phải dạy

Trang 79 câu số 408 - Không gì yêu - Không gì yên

Trang 80 câu số 410 - Trông thấy rõ hơn - Trông thấy biết rõ hơn

Trang 89 câu số 459 - Người trí túc - Người tri túc

Trang 91 câu số 469 - Cũng chỉ vị một mỗi - Cũng chỉ vị một cái mỗi

Trang 109 câu số 571 - Tánh bạch - Tách bạch

tve-4U

CÙNG ĐỌC, CÙNG CHIA SẺ

Chú thích

[\[←1\]](#)

Thất sắc : Kiêu ngạo khinh bạc mất vẻ tự nhiên.

[\[← 2\]](#)

Vấn tâm : Tự mình hỏi mình.

[\[← 3\]](#)

Nhất tâm : Trước sau bao giờ cũng một lòng như vậy.

[\[← 4\]](#)

Yêu hành : Sự không đáng được mà cố cầu may cho được.

[\[←5\]](#)

Tính linh : Tính hay và tốt giờ phú sãn cho người ta.

[\[← 6\]](#)

Tủi thẹn : Sự khó chịu, bởi lương tâm mình cắn rứt mà sinh ra.

[← 7]

Điểm nhục : Sự xấu-xa nhem nhuốc.

[← 8](#)

Kinh bực : Kiêu căng khinh bỉ tuyệt không có tí gì trọng hậu.

[\[← 9\]](#)

Thất đức : Ăn ở không ra gì, mất hẳn nết tốt.

[\[← 10\]](#)

Hại thân : Thiệt đến tính mệnh.

[\[← 11\]](#)

Trần tục : Bản thiu tục tẩn.

[\[← 12\]](#)

Tâm : Tinh thần.

[\[← 13\]](#)

Hình thể : Xác thịt.

[\[← 14\]](#)

Phấn phát : Cố gắng.

[\[← 15\]](#)

Kiểm thúc : Xem xét, giữ-gìn.

[\[← 16\]](#)

Trầm tiêm : Lẳng lặng im ả để trí luôn.

[\[← 17\]](#)

Biển cổ : Tai biến hoạn nạn.

[\[← 18\]](#)

Lão thành : Từng trải.

[\[← 19\]](#)

Tự trị : Chính mình trị lấy mình.

[\[← 20\]](#)

Dụng tâm : Để bụng, để chí làm việc gì.

[\[← 21\]](#)

Tự lập : Tự mình lập lấy thân mình ; không bá-bạ nương tựa vào người khác.

[\[← 22\]](#)

Tự trọng : Tự mình biết quý trọng phẩm-giá tư cách của mình, không chịu đê
mạt.

[\[← 23\]](#)

Theo gót : Làm theo đuôi, tôi tớ người ta.

[\[← 24\]](#)

Theo miệng : Cười theo, dạ hớt, nịnh hót.

[\[← 25\]](#)

Sĩ : Người có học vấn.

[\[← 26\]](#)

Tâm lỵ : Tâm thân phải ngoại vật nó vương vít.

[\[← 27\]](#)

Chí hèn : Chí suy kém, không hăng-hái.

[\[← 28\]](#)

Lao tâm, khổ lực : Nghĩ nhiều, làm nhiều.

[\[← 29\]](#)

Tự dụng : Tự cậy thông minh tài giỏi để làm mọi việc.

[\[← 30\]](#)

Điều thiết thực : Điều cần đến, điều có sự thật.

[\[← 31\]](#)

Tự hại thân : Tự mình làm hại mình.

[\[← 32\]](#)

Băng : Nước đá.

[\[← 33\]](#)

Tâm địa : Tấm lòng, trí khôn, thần hồn của người ta.

[\[← 34\]](#)

Câu ngang tai : Câu nói thẳng thường khó nghe.

[\[← 35\]](#)

Việc phạt ý : Việc công bằng thường trái ý riêng.

[\[← 36\]](#)

Biến hoá khí chất : Biến đổi những tính dờ, nết xấu.

[\[← 37\]](#)

Cổ huấn : Nhờ dạy bảo của người đời trước.

[\[← 38\]](#)

Thu liễm : Thu lại, lượm lại, không để cho tản nát ra.

[\[← 39\]](#)

Tòa triết : Ngăn trở đè nén không dễ cho như ý.

[\[← 40\]](#)

Khổ tâm : Lo nghĩ lao khổ để làm một việc khó khăn.

[\[← 41\]](#)

Táng tâm : mất tính tự nhiên, tính thường, người mà như thế là dở lắm.

[\[← 42\]](#)

Dục : ham mê say đắm.

[\[← 43\]](#)

Giận khí huyết : Tức hơi hung hăng, xằng một lúc.

[\[← 44\]](#)

Giận nghĩa lý : Tức giận, bực, căm theo nghĩa phải theo lẽ công, mà ai ai cũng lòng như vậy.

[\[← 45\]](#)

Lần nữa : Nấn ná nay để mai, mai để ngày kia.

[\[← 46\]](#)

Cấp bách : Hấp tấp mãi vội.

[← 47](#)

Trung : Thật lòng. Tín : Tin, không sai nhời.

[\[← 48\]](#)

Quyền biến : Tùy thời, tùy thế mà tạm dùng cơ mưu để cho được việc, hay tránh khỏi tai hại.

[\[← 49\]](#)

Nguy vong : Sự hiểm nghèo hay hại thân, hống việc.

[\[← 50\]](#)

Xướng xuất : Nói hay làm trước nhất để cho người ta theo.

[\[← 51\]](#)

Uy vũ : Uy quyền và sức mạnh.

[\[← 52\]](#)

Chấy : Đem mình giã vào.

[\[← 53\]](#)

Về : Trở lại chỗ cũ. Người ta sống là ở trọ, chết là về quê của mình.

[\[← 54\]](#)

Đa ngôn : Nói nhiều thường hay lộ truyện.

[\[← 55\]](#)

Hiếu động : Không ở yên, hay sanh sự.

[\[← 56\]](#)

Đặc chí : Thỏa lòng ao ước, được như ý nguyện.

[\[← 57\]](#)

Cao : Thệt ; Lương : Gạo trắng và thơm.

[\[← 58\]](#)

Tinh : Tâm tính thiêng liêng trong thân người.

[\[← 59\]](#)

Khí : Hơi thở ra thở vào.

[\[← 60\]](#)

Thần : Tinh, khí trong thân người.

[\[← 61\]](#)

Hại thân : Hao mòn thân thể sinh ra bệnh tật.

[\[← 62\]](#)

Cô tức : Cầu thả nôm tạm, không làm đến nơi đến chốn.

[\[← 63\]](#)

Bại đức : Hư hỏng cả tính nết.

[\[← 64\]](#)

Từ : Nhân đức phúc hậu.

[\[← 65\]](#)

Kiểm : Chùng mực.

[\[← 66\]](#)

Hoà : Vui vẻ, êm ái.

[\[← 67\]](#)

Tính : Im lặng không nóng nảy.

[\[← 68\]](#)

Tích đức : Làm nhiều điều thiện.

[\[← 69\]](#)

Trị gia : Quản trị việc nhà.

[\[← 70\]](#)

Khởi gia : Gãy dựng cơ đồ (cửa nhà cơ nghiệp).

[\[← 71\]](#)

Tề gia : Chính lý trong nhà cho có trật tự.

[\[← 72\]](#)

Bảo gia : Giữ-gìn cho nhà được lâu dài thịnh vượng.

[\[← 73\]](#)

Mưu sinh : Kiếm ăn để nuôi thân, nuôi nhà.

[\[← 74\]](#)

Nghĩa : Điều phải, ở thẳng để chữa những sự chênh lệch cho được phân minh.

[\[← 75\]](#)

Nhãn : Nhường, nhịn, dong thứ cho được êm-thấm.

[\[← 76\]](#)

Qui : Thước tròn ; Cù : Thước vuông ; nghĩa là ở cho tròn, làm cho thẳng.

[← 77](#)

Gia trưởng : Người chủ trương một gia tộc.

[\[← 78\]](#)

Đặc tội : Phải tội.

[\[← 79\]](#)

Trung : Đứng đắn, công minh, người hay và giỏi.

[\[← 80\]](#)

Nuôi tâm : Thừa thuận cái chí của cha mẹ mà làm cho người vui lòng, bằng lòng.

[\[← 81\]](#)

Nuôi thân : Nuôi thân thể người cho được no ấm, yên ổn.

[\[← 82\]](#)

Thiên tai : Tai hại giới làm, như lụt, bão, đại hạn mất mùa, tật dịch v, v...

[← 83](#)

Tự phụng : Ăn mặc tiêu dùng cho thân mình.

[\[← 84\]](#)

Tiết độ : Chùng mực, có hạn chế.

[\[← 85\]](#)

Cần lao : Chăm chỉ làm ăn.

[\[← 86\]](#)

Ký thác : Nhờ cậy ủy thác ai việc gì.

[\[← 87\]](#)

Ý vị : Thuận nhị vui thú.

[← 88](#)

Thụ dụng : Được hưởng chịu nhiều sự sung sướng về sau.

[← 89](#)

Dong nạp : Nhận lấy, hứng đựng lấy.

[\[← 90\]](#)

Cận bã : Tục tần bản thiu.

[\[← 91\]](#)

Kỳ trung : Bên trong cái ấy.

[\[← 92\]](#)

Nhấn nài : Chịu khổ, bền chí, không chán nản, không ngã lòng.

[\[← 93\]](#)

Trì thủ : Giữ gìn, không phóng phiếm, không bạo động.

[\[← 94\]](#)

Tự phụ : Cây mình tài giỏi.

[\[← 95\]](#)

Quang-Âm : Ánh sáng, tức là thì-giờ.

[\[← 96\]](#)

Hoả hoạn : Tai nạn lửa cháy.

[\[← 97\]](#)

Viêm lương : Nóng, lạnh thấy thịnh vượng thì vô-vật, thấy suy đồi thì lánh

xa.

[\[← 98\]](#)

Đố kỵ : Ghen ghét.

[\[← 99\]](#)

Màn phiên nào : Nơi buồn bực khổ sở.

[\[← 100\]](#)

Hậu thế : Đời sau.

[\[← 101\]](#)

Thiên mệnh : Số mệnh giới đã định cho người ta.

[\[← 102\]](#)

Công lý : Lẽ phải, ai ai cũng công nhận như vậy.

[\[← 103\]](#)

Đàm lược : Sức can đảm để làm việc gì.

[\[← 104\]](#)

Khổ bụng : Chịu nghĩ, chịu thiệt ; chịu khổ.

[\[← 105\]](#)

Nặng tay : Làm nhiều việc khổ hại cho người ta.

[\[← 106\]](#)

Bại hoại : Hư hỏng.

[\[← 107\]](#)

Lịch duyệt : Từng trải, biết qua, làm qua.

[\[← 108\]](#)

Liệt nhược : Hèn kém yếu ớt.

[\[← 109\]](#)

Tự sát : Tự mình giết mình.

[\[← 110\]](#)

Tri túc : Biết được thế là đủ rồi, không ham mê theo đuổi nữa. Đừng lẫn với chữ (tự túc) nghĩa là còn thiếu.

[\[← 111\]](#)

Luyện thân : Phiên luyện khó chịu đến thân.

[\[← 112\]](#)

Vô cầu : Không cầu cạnh luôn cú ai.

[\[← 113\]](#)

Hiếu thẳng : Thích phần hơn, không chịu thiệt.

[\[← 114\]](#)

Tham vinh : Ham mê vinh hiển.

[\[← 115\]](#)

Ưu hoạn : Sự lo phiền hoạn nạn làm cho người ta khốn khổ.

[\[← 116\]](#)

Hợp quần : Ăn ở một cách có đoàn thể, giữ-gìn lấy nhau.

[\[← 117\]](#)

Kết đảng : Kết thành phe tụi, công kích lẫn nhau, để thỏa lòng tự tư tự lợi.

[\[← 118\]](#)

Nhân : Lòng thương yêu đồng thứ.

[\[← 119\]](#)

Nghĩa : Lòng nghiêm thẳng khắc khổ.

[\[← 120\]](#)

Khích liệt : Trêu chọc dữ dội.

[\[← 121\]](#)

Thiết thật : Thật sự, đến nơi đến chốn.

[\[← 122\]](#)

Ưu du : Bỏ xuôi, mặc kệ.

[\[← 123\]](#)

Nại phiền : Chịu quen được khó nhọc, nhẫn nại.

[\[← 124\]](#)

Thiên lý : Lễ phải tự nhiên ai cũng nên theo.

[\[← 125\]](#)

Quốc pháp : Phép nước, điều nên theo, điều nên tránh.

[\[← 126\]](#)

Nhân tình : Tính người hay, dở.

[\[← 127\]](#)

Chi nghị : Chi trích một việc gì mà bàn-bạc chê cười.

[\[← 128\]](#)

Đãng : Hư, phóng túng, chẳng hay giữ mình.

[\[← 129\]](#)

Hư danh : Tiếng hã, chỉ có tiếng không có sự thật.

[\[← 130\]](#)

Tự ích : Ích riêng cho thân mình.

[\[← 131\]](#)

Mãn túc : Tự cho là to, là đầy đủ.

[\[← 132\]](#)

Bộ lọc : Phơi bày hiển hiện ra ngoài.

[\[← 133\]](#)

Lâm nạn : Gặp lúc biến-cổ hoạn-nạn.

[\[← 134\]](#)

Có chí : Để tâm mãi vào việc gì và cố làm cho được.

[\[← 135\]](#)

Có thức : Hiểu biết tình người, việc đời.

[\[← 136\]](#)

Có thường : Bao giờ cũng vậy, không biến đổi, không gián đoạn.

[\[← 137\]](#)

Thứ : Khoan dong, có lượg.

[\[← 138\]](#)

Chính : Ngay thẳng, không gian phi.

[\[← 139\]](#)

Cực ác : Tàn nhẫn, hung dữ quá chừng.

[\[← 140\]](#)

Cực oan : Bị cực khổ một cách vô lý quá chừng.

[\[← 141\]](#)

Thế : Đem thân mình mà xử vào cảnh người.

[\[← 142\]](#)

Khác thường : Tư-tưởng, hành vi một cách sâu xa trái hẳn với hạng người
tâm thường.

[\[← 143\]](#)

Nịnh đời : A-dua lấy lòng tất cả những hạng người.

[\[← 144\]](#)

Tín : Nói thế nào, làm như thế. Không đối trá.

[\[← 145\]](#)

Đại-lượng : Lượng cả bao dong.

[\[← 146\]](#)

Thân-cơ : Cơ mưu sâu độc nham hiểm.

[\[← 147\]](#)

Vô-nghĩa : Không biết lẽ phải trái ; người xằng.

[\[← 148\]](#)

Thế tất : Đem thân mình xử vào địa vị người.

[\[← 149\]](#)

Thất ý : Buồn bực không được như lòng ước ao.

[\[← 150\]](#)

Kiều : Khoe mình, lên mặt.

[\[← 151\]](#)

Ngạo : Khinh người.

[\[← 152\]](#)

Béo ăn : Chỉ vụ ăn uống sung sướng, không biết lo tính xa. Những công việc cho thân, cho nhà .v. v...

[\[← 153\]](#)

Vô chí : Chịu ép một bề, không biết để tâm lo liệu việc lập lấy thân.

[\[← 154\]](#)

Tự-tư, tự-lợi : Chỉ biết mình, chỉ ích mình không nghĩ đến ai cả.

[\[← 155\]](#)

Lo nghĩ hoạn nạn : Cảnh khổ thúc giục người ta lo nghĩ để lập thân, để gây dựng cơ đồ, sự nghiệp.

[\[← 156\]](#)

Yên nhàn vui sướng : Cảnh sướng làm cho người ta hay sinh ra phóng đãng và bại hoại, nguy vong.

[\[← 157\]](#)

Chiêu tai : Vời chuốc lấy tai vạ.

[\[← 158\]](#)

Tự đắc : Vui vẻ, tự-nhiên, bằng lòng số phận.

[\[← 159\]](#)

Thản nhiên : Khoan khoái tự-nhiên, không để sự vật bên ngoài làm lụy đến tấm thân.

[\[← 160\]](#)

Vọng-tưởng : Nghĩ xang, nghĩ viễn-vông, hão-huyền.

[\[← 161\]](#)

Chân-tâm : Tính giới tự-nhiên, vốn lành vốn hay.

[\[← 162\]](#)

Khách-khí : Hơi xằng, hơi hão, thường làm cho ta tức giận vô-ích.

[\[← 163\]](#)

Nguyên-khí : Tính khí của giới phú cho người ta.

[\[← 164\]](#)

Chân-lạc : Vui về một cách chân-chính.

[\[← 165\]](#)

Chính-tâm : Làm cho tâm (tư-tưởng) được bằng phẳng ngay ngắn không chênh lệch tí nào.

[\[← 166\]](#)

Đức-tiến : Đức hạnh một ngày một hay lên.

[\[← 167\]](#)

Thiên-mệnh : Mệnh giờ đã định cho người ta.

[\[← 168\]](#)

Tâm-nhàn : Tâm thần khoan-khoái không phiền não.

[\[← 169\]](#)

Báo : Có cho tất có báo ; Ứng : Có cảm tất có ứng.

[\[← 170\]](#)

Thiên lý : Lẽ phải tự nhiên.

[\[← 171\]](#)

Vũ trụ : Khoảng trong giới đất bốn phương gọi là vũ (không gian) ; thì giờ đời cổ đã qua đời nay vừa lại gọi là trụ (thời gian).

[\[← 172\]](#)

Chích : Tên thằg ăn trộm.

[\[← 173\]](#)

Nghiêu : Một bực thánh để đời cổ.

Table of Contents

ÔN CỔ TÙNG THƯ

CHƯƠNG THỨ NHẤT

- I – TU THÂN
- II – LẬP CHÍ
- III – NHÂN PHẨM
- IV. – HỌC VẤN
- V. – TÍNH - TÌNH
- VI. – THÀNH TÍN
- VII. – CHÍ TIẾT
- VIII. – NGÔN, HÀNH
- IX. – QUÁ THẤT
- X. – VỆ-SINH

CHƯƠNG THỨ HAI

- I.– TRÌ GIA
- II. – HIẾU, HỮU
- III. – GIÁO DỤC
- IV. – LỄ ĐỘ
- V. – CẦN, ĐAI
- VI. – XA, KIÊM
- VII. – TỬ, ÁI
- VIII. – ĐỘ LƯỢNG
- IX. – PHÒNG HOẠN

CHƯƠNG THỨ BA

- I. – XỬ SỰ
- II. – TRÍ NGU
- III. – DŨNG LỰC
- IV. – CÔNG, TƯ
- V. – TRI TỨC
- VI. – GIỚI-THAM

VII. – XỬ THỂ
VIII. – NHÂN NGHĨA
IX. – KHIÊM CẦN
X. – CHÍ KHÍ
XI. – KHOAN THỨ
XII. – THIÊN, ÁC
XIII. – HIẾU, Ỗ
XIV. – THỦ-DỮ
XV. - GIAO TẾ
XVI. - BẦN, PHÚ
XVII. - ÂN, OÁN
XVIII. – LỢI, HẠI
XIX. – HỌA, PHÚC
XX. – TẾ NGỘ
XXI. – ĐẠT SINH
XXII – VẬT LOẠI

CHƯƠNG THỨ TƯ

I. – TẠP NGỮ
Bản đính – chánh